# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

*(Công văn số 80/CQĐD-NV ngày 29/01/2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)*

## CÔNG TY CỔ PHẦN VNG

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303490096 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2004 và thay đổi lần thứ 41 ngày 20 tháng 05 năm 2022)*

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ: CÔNG TY CỔ PHẦN VNG**

Trụ sở chính: Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 38664666 Fax: (028) 39624666

Website: https://vng.com.vn/

Vốn điều lệ đăng ký: 358.442.620.000 đồng (đã góp tại ngày: 30/09/2022)

Vốn điều lệ thực góp: 358.442.620.000 đồng

**TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)**

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Tầng 15, 2 Hải Triều. Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209 Website: www.vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6262 6999 Fax: (84-24) 6278 2688

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Họ tên: Trần Vân Khánh Giang

Chức vụ: Trưởng Bộ Phận Hoạch Định & Phân Tích Tài Chính

Số điện thoại: (028) 38664666

# MỤC LỤC

**I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG** ..... 1
**1. Thông tin chung về Công ty** ..... 1
**2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch** ..... 1
**3. Quá trình hình thành và phát triển** ..... 2
**4. Cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng** ..... 5
**5. Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập** ..... 6
**6. Cơ cấu tổ chức của Công ty** ..... 14
**7. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý** ..... 17
**8. Cơ cấu cổ đông** ..... 18
**9. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng** .. 20
**10. Hoạt động kinh doanh** ..... 24
**11. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 02 năm gần nhất và 9 tháng đầu năm 2022** ..... 34
**12. Vị thế của Công ty trong ngành** ..... 37
**13. Chính sách với người lao động** ..... 41
**14. Chính sách cổ tức** ..... 43
**15. Tình hình tài chính trong năm 2021 và 9 tháng đầu năm 2022** ..... 43
**16. Tài sản** ..... 51
**17. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức (hợp nhất)** ..... 52
**18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của VNG** ..... 53
**19. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh** ..... 54
**20. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty** ..... 56
**II. QUẢN TRỊ CÔNG TY** ..... 61
**1. Hội Đồng Quản Trị** ..... 61
**2. Ban kiểm soát** ..... 68
**3. Ban Tổng giám đốc** ..... 72
**4. Kế toán trưởng** ..... 77
**5. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty** ..... 79
**6. Danh sách người nội bộ và người có liên quan** ..... 79
**7. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan** ..... 84

# DANH SÁCH BẢNG BIỂU

Bảng 1: Quá trình hình thành và phát triển của Công ty ..... 2
Bảng 2: Tóm tắt các đợt tăng vốn của Công ty ..... 6
Bảng 3: Thông tin các công ty con của Công ty ..... 15
Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/11/2022 ..... 18
Bảng 5: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại 28/11/2022 ..... 19
Bảng 6: Công ty con của Công ty ..... 21
Bảng 7: Cơ cấu doanh thu hợp nhất giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022 ..... 29
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu riêng giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022 ..... 31
Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022 ..... 31
Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp riêng giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022 ..... 32
Bảng 11: Cơ cấu chi phí hợp nhất giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022 ..... 32
Bảng 12: Cơ cấu chi phí riêng giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022 ..... 33
Bảng 13: Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh hợp nhất ..... 34
Bảng 14: Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh riêng ..... 36
Bảng 15: Tổng hợp số lượng và phân loại lao động ..... 41
Bảng 16: Mức lương/thu nhập bình quân của người lao động ..... 43
Bảng 17: Các khoản phải nộp theo luật định hợp nhất ..... 45
Bảng 18: Các khoản phải nộp theo luật định riêng lẻ ..... 45
Bảng 19: Chi tiết các khoản vay nợ (hợp nhất) ..... 45
Bảng 20: Các khoản phải thu ..... 46
Bảng 21: Các khoản phải trả ..... 48
Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính ..... 50
Bảng 23: Giá trị tài sản cố định (hợp nhất) ..... 51
Bảng 24: Giá trị tài sản cố định (riêng lẻ) ..... 51
Bảng 25: Danh mục các tài sản lớn tại 31/12/2021 và 30/09/2022 ..... 52
Bảng 26: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức (hợp nhất) ..... 52
Bảng 27: Cam kết thuê hoạt động ..... 53
Bảng 28: Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn ..... 54
Bảng 29: Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty ..... 57
Bảng 30: Nghiệp vụ với các bên liên quan (hợp nhất) tại 31/12/2021 và 30/09/2022 ..... 84
Bảng 31: Nghiệp vụ với các bên liên quan (riêng) tại 31/12/2021 và 30/09/2022 ..... 87

# CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

| | |
|---|---|
| Công ty | Công Ty Cổ Phần VNG |
| Tập đoàn/VNG | Công Ty Cổ Phần VNG và các công ty con |
| ĐHĐCĐ | Đại Hội Đồng Cổ Đông |
| HĐQT | Hội Đồng Quản Trị |
| BKS | Ban Kiểm Soát |
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| Người có liên quan | Gồm cá nhân hoặc tổ chức được coi là người có liên quan theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng |
| GCN ĐKDN | Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| CBNV | Cán bộ nhân viên |
| DTT | Doanh thu thuần |
| LNST | Lợi nhuận sau thuế |
| TSCĐ | Tài sản cố định |
| VCSH | Vốn chủ sở hữu |
| VĐL | Vốn điều lệ |
| EPS | Lợi nhuận sau thuế trên mỗi cổ phần |
| ROAA | LNST/Tổng tài sản bình quân |
| ROAE | LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân |
| CP | cổ phần |
| ESOP | chương trình quyền mua cổ phiếu cho nhân viên |
| Sở KHĐT | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| TP HCM | Thành phố Hồ Chí Minh |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| n/a | Không có thông tin hoặc không áp dụng |

# I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

## 1. Thông tin chung về Công ty

| | |
|---|---|
| Tên công ty | CÔNG TY CỔ PHẦN VNG |
| Tên giao dịch quốc tế | VNG CORPORATION |
| Tên viết tắt | VNG |
| Logo công ty | VNG |
| Vốn điều lệ đăng ký | 358.442.620.000 đồng |
| Vốn điều lệ thực góp | 358.442.620.000 đồng |
| Trụ sở chính | Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Điện thoại | (08) 39623888 |
| Fax | (08) 39624666 |
| Website | https://vng.com.vn/ |
| Giấy chứng nhận ĐKDN | 0303490096 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2004 và thay đổi lần thứ 41 ngày 20 tháng 05 năm 2022 |
| Người đại diện theo pháp luật | Lê Hồng Minh - Tổng Giám đốc |
| Ngành nghề kinh doanh chủ yếu | Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm; Dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng. |

## 2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- **Tên chứng khoán:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần VNG
- **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Mã chứng khoán: VNZ**
- **Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch:** 35.844.262 cổ phiếu, trong đó:
  - ✓ 28.736.000 cổ phiếu đang lưu hành
  - ✓ 7.108.262 cổ phiếu quỹ
- **Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức ĐKGD:** 0 cổ phiếu
- **Giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài:**

Tuân thủ quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty tuân thủ quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các Hiệp định quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
Ngày 12/12/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 8239/UBCK-PTTT về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại (theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/11/2022 - ngày chốt danh sách cổ đông để đăng ký giao dịch Upcom) là 49% vốn điều lệ, tương ứng với tỷ lệ 61,1% trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

## 3. Quá trình hình thành và phát triển

**Bảng 1: Quá trình hình thành và phát triển của Công ty**

| | |
|---|---|
| **Năm 2004** | - VNG được thành lập vào ngày 09 tháng 09 năm 2004 với tên gọi ban đầu là VinaGame. |
| **Năm 2005** | - Tháng 7 năm 2005, VinaGame ký hợp đồng với Kingsoft để mang game Võ Lâm Truyền Kỳ về Việt Nam. Trong vòng 1 tháng, Võ Lâm Truyền Kỳ đã tạo nên cơn sốt tại Việt Nam với con số 300.000 người chơi truy cập tại cùng một thời điểm. |
| **Năm 2006 - 2007** | - Năm 2006, VNG đạt mức doanh thu 17 triệu USD, gấp 6 lần doanh thu năm 2005.<br>- Công ty phát hành phần mềm quản lý phòng máy CSM và chính thức sở hữu cổng thông tin Zing.<br>- Năm 2007, VNG khánh thành trung tâm dữ liệu hiện đại nhất Việt Nam, VINADATA, nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trữ dữ liệu cho các sản phẩm của Công Ty và cung ứng cho đối tác bên ngoài. |
| **Năm 2009** | - Giữa năm 2009, Zing Me - sản phẩm mạng xã hội đầu tiên của Việt Nam ra đời và đạt hơn 4 triệu thành viên hoạt động thường xuyên hàng tháng vào cuối năm 2019. Tuy nhiên, do những điều chỉnh trong chiến lược phát triển sản phẩm, hiện nay Zing Me đã không còn hoạt động để tập trung nguồn lực cho các sản phẩm mới. |

| | |
|---|---|
| | - VNG bắt đầu mở rộng mảng kinh doanh trò chơi trực tuyến tại thị trường nước ngoài là Nhật Bản và Trung Quốc. |
| **Năm 2010** | - Tháng 5/2010, VNG thay đổi bộ nhận diện thương hiệu với mục tiêu và tầm nhìn mới. |
| **Năm 2011** | - Ngày 29/01/2011, Công ty trở thành công ty đại chúng theo công văn số 80/CQĐD-NV của UBCKNN.<br>- Tháng 04/2011, VNG là doanh nghiệp duy nhất được vinh danh "Doanh nghiệp nội dung số có sản phẩm, dịch vụ thương hiệu Việt Nam thành công nhất". |
| **Năm 2012** | - Năm 2012, VNG cho ra mắt sản phẩm Zalo - ứng dụng nhắn tin và gọi điện miễn phí hoạt động trên nền tảng di động. |
| **Năm 2013** | - VNG tiến vào kỷ nguyên di động, chuyển đổi các sản phẩm trên máy tính sang ứng dụng trên di động. NgoaLong mobile là một trong những game mobile đầu tiên được phát hành vào cuối năm 2013. |
| **Năm 2014** | - Tháng 4/2014, VNG đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước tặng và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho ông Lê Hồng Minh - Tổng Giám đốc VNG.<br>- Tháng 05/2014, VNG được vinh danh "Doanh nghiệp phát triển nhanh toàn cầu tại khu vực Đông Á" tại Diễn Đàn Kinh Tế Thế Giới tổ chức ở Manila, thủ đô Philippines.<br>- VNG được định giá 1 tỷ USD theo World Start-up Report, trở thành kỳ lân đầu tiên tại Việt Nam. |
| **Năm 2015** | - Trở thành nhà tài trợ chiến lược của giải VNG IRONMAN 70.3 lần đầu tiên tổ chức tại Việt Nam, khởi động phong trào ba môn phối hợp (triathlon) tại Việt Nam. |
| **Năm 2016** | - Tháng 12/2016, VNG cho ra mắt mảng Thanh toán điện tử với sản phẩm Zalopay. |
| **Năm 2017** | - Tháng 11/2017, VNG nằm trong top những doanh nghiệp nội dung số có ảnh hưởng lớn nhất đối với sự phát triển của internet Việt Nam trong 1 thập kỷ bởi Hiệp Hội Internet Việt Nam (VIA). |
| **Năm 2018** | - VNG khai trương các văn phòng mới tại Thái Lan và Myanmar, đánh dấu sự hiện diện tại thị trường quốc tế. |

| | |
|---|---|
| | - Nền tảng Zalo cán mốc 100 triệu người dùng, không chỉ ở Việt Nam.<br>- Tháng 10/2018, VNG ký ghi nhớ hợp tác với Temasek Holdings. Đây là biên bản ghi nhớ hợp tác duy nhất trong lĩnh vực công nghệ cao được trao tại Hội nghị 30 Năm Thu Hút Đầu Tư Nước Ngoài tại Việt Nam - Tầm Nhìn và Cơ Hội Mới Trong Kỷ Nguyên Mới. |
| **Năm 2019** | - Tháng 3/2019, VNG hoàn tất giao dịch với Temasek Holdings, trở thành một trong những kỳ lân công nghệ hàng đầu Việt Nam.<br>- Tháng 7/2019, VNG nhận giải thưởng "Nơi làm việc tốt nhất Châu Á", do tạp chí HR Asia bình chọn.<br>- Tháng 11/2019, VNG Campus với diện tích 52.440 m2 chính thức đi vào hoạt động phục vụ cho hơn 3.000 nhân viên của VNG, đặt khát vọng mới - "2332" với sứ mệnh "Kiến tạo công nghệ và phát triển con người. Từ Việt Nam vươn tầm thế giới" và 3 giá trị cốt lõi: Đón nhận Thách thức, Phát triển đối tác, và Duy trì chính trực.<br>- Tháng 12/2019, VINADATA chính thức đổi tên thành VNG Cloud. |
| **Năm 2020** | - Tháng 6/2020, ra mắt trueID, giải pháp định danh khách hàng điện tử do đội ngũ kỹ sư Việt của Công ty phát triển.<br>- Tháng 7/2020, VNG nhận giải thưởng "Nơi làm việc tốt nhất Châu Á" lần thứ 2, do tạp chí HR Asia bình chọn. |
| **Năm 2021** | - Tháng 8/2021, ra mắt Zalo Connect giúp kết nối và hỗ trợ gần 500,000 hoàn cảnh khó khăn trong đại dịch Covid-19; ra mắt Sài Gòn Bao Dung - nền tảng công nghệ kết nối các tổ chức xã hội và người gặp khó khăn, kêu gọi được 838 triệu VNĐ quyên góp qua ZaloPay để giúp đỡ cộng đồng.<br>- VNG đồng hành cùng các startup có tiềm năng, đầu tư gần 30 triệu USD cho 3 startup EcoTruck, GotIt và Telio.<br>- Tháng 12/2021, VNG có 3.436 nhân viên với 98 phòng ban, có mặt tại 14 văn phòng ở Việt Nam, Thái Lan, Philippines, Myanmar, Đài Loan và Indonesia. |
| **Năm 2022** | - Tháng 6/2022, VNG tham gia Liên minh Game Việt Nam, khẳng định sứ mệnh chung tay phát triển game Việt nhằm bắt kịp xu thế toàn cầu.<br>- VNG chính thức đưa vào vận hành VNG Data Center mới tại khu chế xuất Tân Thuận. |

- VNG chính thức được chứng nhận "Nơi làm việc xuất sắc"™ tại Việt Nam năm 2022 bởi Great Place To Work® - Cơ quan toàn cầu về văn hóa nơi làm việc.
- Tháng 8/2022, Kiki - trợ lý AI của Zalo đạt 100.000 lượt cài đặt trên ô tô trong vòng một năm.
- Ngày 22/12/2022, Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 40/2022/GCNCP-VSD với mã chứng khoán VNZ. Số lượng chứng khoán đăng ký là 35.844.262 cổ phiếu.

*Nguồn: VNG*

**4. Cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng**

- Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng: Công ty cổ phần VNG (tiền thân là Công ty cổ phần Tập đoàn Vina) được UBCKNN chấp thuận là công ty đại chúng căn cứ theo Công văn số 80/CQĐD-NV ngày 29/01/2011 về việc đăng ký công ty đại chúng.
- Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng bao gồm:
  - Số lượng cổ đông: 112 cổ đông.
  - Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 107 cổ đông.
  - Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 5.206.831 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 20% Vốn điều lệ).

  Công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 25 Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11.
- Ngày chốt Danh sách cổ đông để đăng ký Upcom: 28/11/2022

## 5. Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập

Công ty cổ phần VNG được thành lập năm 2004 với tên gọi Công Ty Cổ Phần Trò Chơi Vi Na (VinaGame) với số vốn ban đầu là 15.000.000.000 đồng. Trải qua 18 năm hình thành và phát triển, Công ty đã thực hiện tăng vốn 16 lần với các hình thức khác nhau, vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 358.442.620.000 đồng, tương ứng 35.844.262 cổ phần.

**Bảng 2: Tóm tắt các đợt tăng vốn của Công ty**

| Lần | Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn | VĐL tăng thêm (nghìn đồng) | VĐL sau phát hành (nghìn đồng) | Hình thức phát hành và mục đích phát hành | Nội dung liên quan đợt phát hành cổ phần | Căn cứ pháp lý của đợt phát hành | Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 09/09/2004 | (thành lập) | 15.000.000 | Thành lập công ty | | - GCN ĐKDN số 4103002645 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09/09/2004 | Sở KHĐT TP.Hồ Chí Minh |
| 1 | 11/08/2006 | 15.000.000 | 30.000.000 | Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu | - Phát hành 1.500.000 với giá 10.250đ/CP<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh. | - Quyết định ĐHĐCĐ số 07-2006/QD HDCD/VinaGame ngày 31/7/2006 của Công ty cổ phần Dịch vụ Phần mềm Trò chơi Vi Na<br>- GCN ĐKDN số 4103002645 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 7 ngày 11/08/2006 | Sở KHĐT TP.Hồ Chí Minh |
| 2 | 07/06/2007 | 70.000.000 | 100.000.000 | Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu | - Phát hành 7.000.000 với giá 10.000đ/CP<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh. | - Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 26/5/2007 của Công ty cổ phần Dịch vụ Phần mềm Trò chơi Vi Na<br>- GCN ĐKDN số 4103002645 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 8 ngày 07/06/2007 | Sở KHĐT TP.Hồ Chí Minh |
| 3 | 08/01/2008 | 150.000.000 | 250.000.000 | Chào bán cổ phần riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư nước ngoài | - Phát hành 14.650.000 CP cho CĐ hiện hữu với giá 10.000đ/CP; 350.000 CP cho nhân viên và nhà đầu tư nước ngoài, trong đó 300.000 CP cho nhân viên với giá 0đ/CP, 40.010 CP | - Nghị quyết ĐHĐCĐ số NQ/HDCD/0308/003 ngày 07/03/2008 của Công ty cổ phần Dịch vụ Phần mềm Trò chơi Vi Na<br>- GCN ĐKDN số 4103002645 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 11 ngày 08/01/2008 | Sở KHĐT TP.Hồ Chí Minh |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | cho Tenacious Bulldog Holdings Limited với giá 121.693đ/CP và 9.990 CP cho GS Treasure Sarl với giá 139.568đ/CP.<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh. | | |
| 4 | 29/12/2010 | 10.000.000 | 260.000.000 | Tăng vốn theo chương trình phát hành thêm cổ phiếu cho người lao động | - Phát hành 1.000.000 CP với giá 10.000đ/CP<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh. | - Quyết định của ĐHĐCĐ số 326/1110/QĐ-VNG ngày 20/12/2010 của Công ty cổ phần Tập đoàn Vina<br>- GCN ĐKDN số 03033490096 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 16 ngày 29/12/2010 | Sở KHĐT TP.Hồ Chí Minh |
| 5 | 05/11/2012 | 18.856.310 | 278.856.310 | Phát hành cổ phiếu theo chương trình chào bán cổ phần riêng lẻ cho 01 (một) cổ đông chiến lược của công ty | - Phát hành 1.885.631 CP với giá 40.403đ/CP<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: vốn lưu động để mở rộng thị trường nước ngoài và góp vốn, mua cổ phần của DN khác cùng lĩnh vực để củng cố thị phần và vị trí Công ty. | - Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 158/NQ-ĐHĐCĐ-12 ngày 12/5/2012 của Công ty cổ phần VNG<br>- Công văn số 3343/UBCK-QLPH ngày 17/9/2021 của UBCKNN về chào bán cổ phần riêng lẻ<br>- GCN ĐKDN số 03033490096 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 23 ngày 05/11/2012 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| 6 | 24/04/2013 | 16.970.150 | 295.826.460 | Phát hành cổ phiếu theo chương trình chào bán cổ phần riêng lẻ cho ban điều hành công ty | - Phát hành 1.697.015 CP với giá 150.260đ/CP<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh. | - Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 449/2012/NQ-ĐHĐCĐ-1 ngày 20/12/2012 của Công ty cổ phần VNG<br>- Công văn số 808/UBCK-QLPH ngày 7/3/2013 của UBCKNN về chào bán cổ phiếu riêng lẻ<br>- GCN ĐKDN số 03033490096 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 24 ngày 24/04/2013 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | 20/09/2013 | 10.755.110 | 306.581.570 | Tăng vốn theo chương trình phát hành thêm cổ phiếu cho người lao động | - Phát hành 1.054.662 CP với giá 10.000đ/CP và 20.849 CP với giá 20.000đ/CP;<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: mở rộng kinh doanh và giữ chân nhân viên chủ chốt. | - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2013 của Công ty cổ phần VNG<br>- Công văn 3353/UBCK-QLPH ngày 28/6/2013 của UBCKNN về phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động<br>- Công văn 4943/UBCK-QLPH ngày 15/8/2013 của UBCKNN về phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động<br>- GCN ĐKDN số 03033490096 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 26 ngày 20/09/2013 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| 8 | 11/08/2014 | 8.264.860 | 314.846.430 | Tăng vốn theo chương trình phát hành thêm cổ phiếu cho người lao động | - Phát hành 700.642 CP với giá 10.000đ/CP và 125.844 CP với giá 20.000đ/CP;<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: mở rộng kinh doanh và giữ chân nhân viên chủ chốt. | - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2013 của Công ty cổ phần VNG<br>- Công văn 3957/UBCK-QLPH ngày 10/7/2014 của UBCKNN về tiếp tục thực hiện Đợt 2 chương trình phát hành cho cán bộ công nhân viên<br>- Công văn 4317/UBCK-QLPH ngày 24/7/2014 của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động<br>- GCN ĐKDN số 03033490096 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 27 ngày 11/08/2014 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| 9 | 16/03/2015 | 564.550 | 315.410.980 | Tăng vốn theo chương trình phát hành thêm cổ phiếu cho người lao động | - Phát hành 56.455 CP với giá 20.000đ/CP<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh. | - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2013 của Công ty cổ phần VNG<br>- Công văn 1039/UBCK-QLPH ngày 09/3/2015 của UBCKNN về tiếp tục thực hiện Đợt 3 chương trình phát hành cho cán bộ công nhân viên | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | - Công văn 1215/UBCK-QLPH ngày 19/3/2015 của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động<br>- GCN ĐKDN số 03033490096 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 29 ngày 16/03/2015 | |
| 10 | 31/03/2015 | 2.943.090 | 318.354.070 | Phát hành cổ phiếu theo chương trình chào bán cổ phần riêng lẻ cho 01 (một) cổ đông chiến lược của công ty | - Phát hành 294.309 CP với giá 666.345đ/CP<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh. | - Công văn 600/UBCK-QLPH ngày 6/2/2015 của UBCKNN về phát hành cổ phiếu riêng lẻ<br>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/6/2014 của Công ty cổ phần VNG<br>- GCN ĐKDN số 03033490096 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 30 ngày 31/03/2015 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| 11 | 19/10/2015 | 6.573.260 | 324.927.330 | Tăng vốn theo chương trình phát hành thêm cổ phiếu cho người lao động | - Phát hành 298.426 CP với giá 10.000đ/CP và 358.900 CP với giá 20.000đ/CP<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh. | - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2013 của Công ty cổ phần VNG<br>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/8/2015 của Công ty cổ phần VNG<br>- Công văn 5567/UBCK-QLPH ngày 31/8/2015 của UBCKNN về tiếp tục thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động<br>- Công văn 6410/UBCK-QLPH ngày 12/10/2015 của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | - GCN ĐKDN số 03033490096 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 32 ngày 19/10/2015 | |
| 12 | 31/08/2016 | 5.974.970 | 330.902.300 | Tăng vốn theo chương trình phát hành thêm cổ phiếu cho người lao động | - Phát hành 215.274 CP với giá 10.000đ/CP và 382.223 CP với giá 20.000đ/CP<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh. | - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2013 của Công ty cổ phần VNG<br>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2016 của Công ty cổ phần VNG<br>- Công văn 5721/UBCK-QLPH ngày 25/8/2016 của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động<br>- GCN ĐKDN số 03033490096 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 33 ngày 31/8/2016 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| 13 | 13/09/2017 | 6.318.260 | 337.220.560 | Tăng vốn theo chương trình phát hành thêm cổ phiếu cho người lao động | - Phát hành 49.256 CP với giá 10.000đ/CP và 582.570 CP với giá 20.000đ/CP<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh. | - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2017 của Công ty cổ phần VNG<br>- Công văn 5970/UBCK-QLCB ngày 5/9/2017 của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động<br>- GCN ĐKDN số 03033490096 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 35 ngày 13/9/2017 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| 14 | 24/09/2018 | 8.142.010 | 345.362.570 | Tăng vốn theo chương trình phát hành thêm cổ phiếu cho người lao động | - Phát hành 788.529 CP với giá 20.000đ/CP và 25.672 CP với giá 10.000đ/CP<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh. | - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/5/2018 của Công ty cổ phần VNG<br>- Công văn 6257/UBCK-QLPH ngày 17/9/2018 của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP 2018 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | - GCN ĐKDN số 03033490096 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 36 ngày 24/9/2018 | |
| 15 | 09/09/2019 | 7.660.360 | 353.022.930 | Tăng vốn theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động | - Phát hành 690.336 CP với giá 20.000đ/CP và 75.700 CP với giá 30.000đ/CP<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh. | - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2013 của Công ty cổ phần VNG<br>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2019 của Công ty cổ phần VNG<br>- Công văn 4875/UBCK-QLPH ngày 13/8/2019 của UBCKNN về phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP 2019<br>- Công văn 5288/UBCK-QLPH ngày 30/8/2019 của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP 2019<br>- GCN ĐKDN số 03033490096 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 37 ngày 09/9/2019 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| 16 | 12/01/2021 | 5.419.690 | 358.442.620 | Tăng vốn theo chương trình phát hành thêm cổ phiếu cho người lao động | - Phát hành 318.735 CP với giá 20.000đ/CP và 223.234 CP với giá 30.000đ/CP<br>- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh. | - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/6/2020 của Công ty cổ phần VNG<br>- Công văn 5681/UBCK-QLPH ngày 21/9/2020 của UBCKNN về phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP 2020<br>- Công văn 6120/UBCK-QLPH ngày 13/10/2020 của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ESOP<br>- GCN ĐKDN số 03033490096 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 39 ngày 12/01/2021 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |

*Nguồn: VNG*

Công ty cổ phần VNG có các chương trình quyền chọn mua cổ phiếu và chương trình phát hành cổ phiếu cho nhân viên như sau:

***Chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến***

Công ty đã ký Hợp đồng Quyền chọn mua cổ phiếu phổ thông ("Hợp đồng Quyền chọn") với một nhà cung cấp trò chơi trực tuyến vào ngày 1 tháng 8 năm 2010. Theo hợp đồng này, nhà cung cấp trò chơi trực tuyến được cấp số lượng quyền mua cổ phiếu phổ thông ("quyền mua") tối đa là 1.859.251 cổ phiếu phổ thông của Công ty với mức giá đã được ấn định là 8,0678 USD/cổ phiếu. Theo Hợp đồng Quyền chọn, nhà cung cấp trò chơi trực tuyến có thể thực hiện quyền mua (1.549.375 cổ phiếu phổ thông) với số lượng bằng nhau hàng quý bắt đầu từ ngày 1 tháng 8 năm 2010 đến ngày 31 tháng 7 năm 2016. Nếu Công ty hoàn thành việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("IPO") trước ngày 31 tháng 7 năm 2016, tất cả quyền chọn mua 1.859.251 cổ phiếu thường của Công ty sẽ được thực hiện ngay lập tức trước khi IPO.

Theo Phụ lục C sửa đổi ngày 24 tháng 10 năm 2014 ("Phụ lục C"), quyền mua 1.032.917 cổ phiếu phổ thông đã được thỏa mãn với các điều kiện theo Hợp đồng Quyền chọn và nhà cung cấp trò chơi trực tuyến có toàn quyền thực hiện các quyền đó theo thời gian hoặc bất cứ lúc nào, với điều kiện là tất cả quyền chọn sẽ được thực hiện trước hoặc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc đăng ký quyền mua 516.458 cổ phiếu phổ thông theo Hợp đồng Quyền chọn và quyền chọn mua 309.876 cổ phiếu phổ thông còn lại (có nghĩa là 1.859.251 cổ phiếu phổ thông trừ đi 1.549.375 cổ phiếu phổ thông) sẽ không có hiệu lực kể từ ngày ký Phụ lục 2, và không bên nào có quyền yêu cầu bên kia bồi thường cho việc không thực hiện quyền này.

Theo Phụ lục 3 sửa đổi ngày 24 tháng 12 năm 2021 ("Phụ lục 3") của Hợp đồng Quyền chọn, các bên đã đồng ý kéo dài ngày thực hiện của Thỏa thuận Quyền chọn đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Cho đến thời điểm hiện tại, Quyền chọn mua chưa được thực hiện.

***Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần II ("ESOP II")***

Công ty có ESOP II, cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu là 3.551.232 và được cấp đến hết năm 2018.

1. *Kế hoạch thực hiện*

   Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 5 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên. Các quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015 được thực hiện trong vòng 3-4 năm kể từ ngày cấp đầu tiên.

2. *Các điều khoản*

   *(i)* Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 20% tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Đối với quyền

mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015, tỷ lệ này là 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt).

*(ii)* Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

3. *Điều kiện*

*(i)* Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.

*(ii)* Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua ESOP II đã cấp và giá thực hiện trong năm được trình bày tại BCTC hợp nhất kiểm toán 31/12/2021 như sau:

| | *Năm nay* | | *Năm trước* | |
|---|---|---|---|---|
| | *Giá (VND)* | *Số lượng quyền mua* | *Giá (VND)* | *Số lượng quyền mua* |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 | 20.000 | 130.992 | 20.000 | 466.575 |
| Mất quyền mua trong năm | 20.000 | - | 20.000 | (16.848) |
| Thực hiện quyền mua trong năm | 20.000 | (88.492) | 20.000 | (318.735) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 | | 42.500 | | 130.992 |

***Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần III ("ESOP III")***

Công ty có ESOP III, cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 30.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu là 2.921.832 và được cấp từ tháng 7 năm 2018 đến hết năm 2023.

1. *Kế hoạch thực hiện*

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm. tính từ ngày cấp đầu tiên.

2. *Các điều khoản*

*(i)* Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền. nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị).

*(ii)* Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

3. *Điều kiện*

*(i)* Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.

*(ii)* Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua ESOP III đã cấp và giá thực hiện trong năm được trình bày tại BCTC hợp nhất kiểm toán 31/12/2021 như sau:

| | *Năm nay* | | *Năm trước* | |
|---|---|---|---|---|
| | *Giá (VND)* | *Số lượng quyền mua* | *Giá (VND)* | *Số lượng quyền mua* |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 | 30.000 | 868.563 | 30.000 | 777.160 |
| Cấp trong năm | 30.000 | 187.725 | 30.000 | 376.250 |
| Mất quyền mua trong năm | 30.000 | (26.388) | 30.000 | (61.613) |
| Thực hiện quyền mua trong năm | 30.000 | (325.013) | 30.000 | (223.234) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 | | 704.887 | | 868.563 |

## 6. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu Công ty Cổ phần VNG và các công ty con được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Các hoạt động của Công ty và các công ty trong hệ thống tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua.

**Hình 1: Cơ cấu tổ chức của VNG**

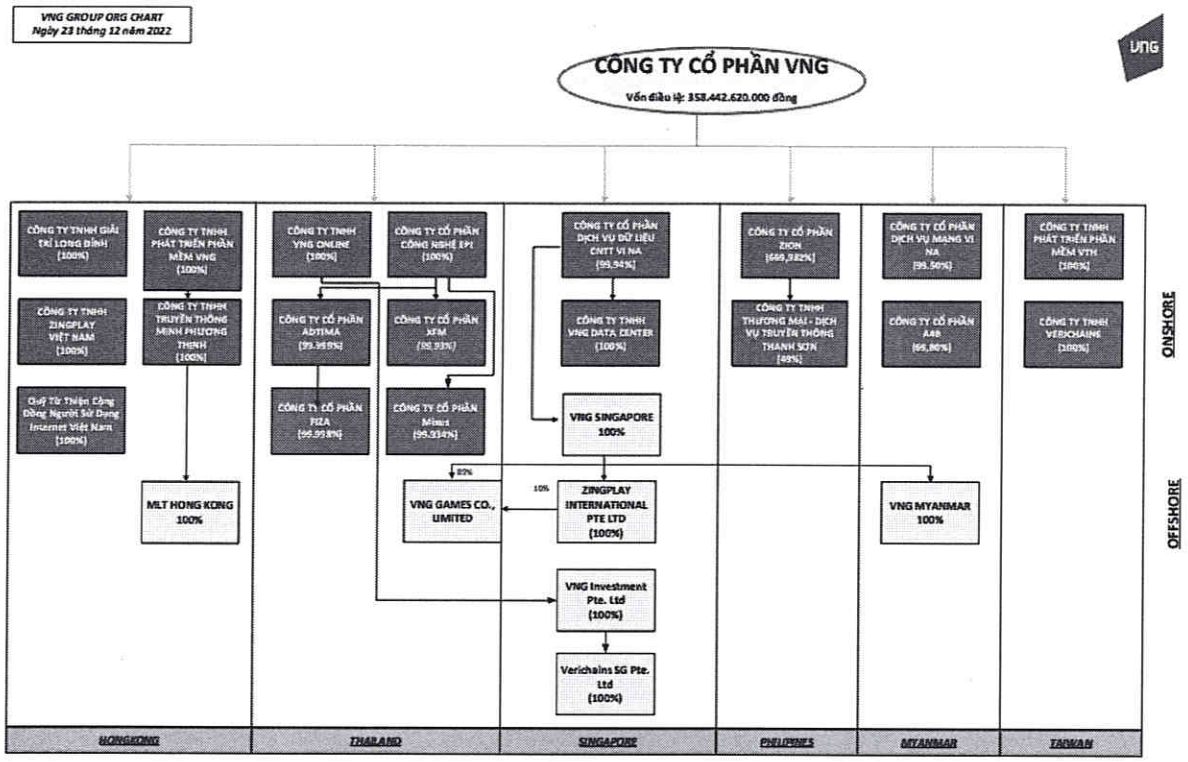


*Nguồn: VNG*

Công ty Cổ phần VNG là công ty mẹ có 11 công ty con trực tiếp, 14 công ty con gián tiếp và 01 quỹ từ thiện cộng đồng, như sau:

**Bảng 3: Thông tin các công ty con của Công ty**

| TT | Tên công ty | Địa chỉ |
|---|---|---|
| ***I*** | ***Công ty con trực tiếp*** | |
| 1 | Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ - Dữ Liệu Công Nghệ Thông Tin Vi Na | Lô 6, Tòa Nhà Helios, CVPM, Quang Trung, Số 3, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2 | Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EPI | Tầng 5, ô D29, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội |
| 3 | Công Ty TNHH VNG Online | Tầng 7, Tòa nhà Trung tâm Báo chí học đường Báo Sinh Viên Việt Nam - Lô đất D29, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy |
| 4 | Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Mạng Vi Na | Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5 | Công Ty TNHH Phát Triển Phần Mềm VNG | Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6 | Công Ty TNHH Giải Trí Long Đỉnh | Tầng 17, Tòa Nhà TNR Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |

| | | |
|---|---|---|
| 7 | Công Ty Cổ Phần Zion | Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8 | Công Ty TNHH ZingPlay Việt Nam | 73/17 Trần Khánh Dư, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng |
| 9 | Công ty Cổ phần A4B | Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10 | Công ty TNHH Phát triển phần mềm VTH | Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11 | Công ty TNHH Verichains | Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12 | Quỹ Từ thiện Cộng đồng Người sử dụng Internet Việt Nam | 52 Nguyễn Ngọc Lộc - Phường 14 - Quận 10 - TP Hồ Chí Minh |
| ***II*** | ***Công ty con gián tiếp*** | |
| 1 | Công Ty TNHH Truyền Thông Minh Phương Thịnh | 229 Huỳnh Ngọc Huệ, Phường Hoà Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng |
| 2 | Công Ty TNHH VNG Data Center | Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3 | VNG Singapore Pte Ltd. | 80 Raffles Place #25-01 UOB Plaza, Singapore (048624) |
| 4 | VNG Myanmar Company Limited | La Pyi Wun Plaza, 37 Alan Pya Pagoda Road, Yangon, Myanmar |
| 5 | MLT Hong Kong Limited | Unit 305-7, 3/F Laford Ctr 838 Lai Chi Kok Rd Cheung Sha Wan KL, Hong Kong |
| 6 | VNG Game Co., Ltd., | 591 UBC 2 Tower, 17 Floor, Room No. 1704, Sukhumvit Road, Klongton Nue, Wattana, Bangkok, Thái Lan |
| 7 | Công Ty Cổ Phần XFM | Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8 | ZingPlay International Pte Ltd. | 80 Raffles Place #25-01 UOB Plaza, Singapore (048624) |
| 9 | Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn | Tầng 17, Tòa Nhà TNR Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội |
| 10 | Công Ty Cổ Phần Adtima | 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11 | Công Ty Cổ Phần Fiza | Tầng 3, Tòa Nhà An Phú Plaza, 117-119 Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12 | Công Ty Cổ Phần Mixus | Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | |
|---|---|---|
| 13 | VNG Investment Pte. Ltd. | 80 Raffles Place #25-01 UOB Plaza, Singapore (048624) |
| 14 | Verichains SG Pte. Ltd | 80 Raffles Place #25-01 UOB Plaza, Singapore (048624) |

## 7. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý

**Hình 2: Cơ cấu quản trị của VNG**

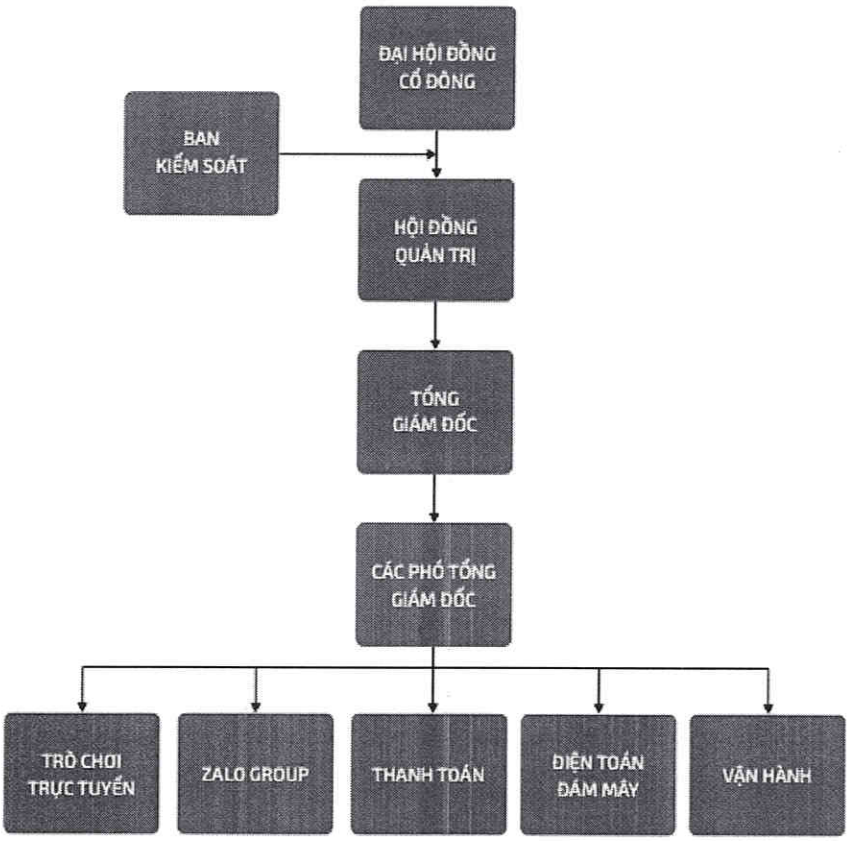


*Nguồn: VNG*

### Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ)

Đại Hội Đồng Cổ Đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ công ty quy định, thông qua các BCTC hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Ngoài ra, ĐHĐCĐ có thẩm quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và thành viên BKS của Công ty.

### Hội Đồng Quản Trị (HĐQT)

Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền & nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Quyền và

nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Nghị quyết Đại Hội Cổ Đông quy định. HĐQT của Công ty hiện nay bao gồm 5 thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị do HĐQT bầu.

**Ban Kiểm Soát (BKS)**

Ban Kiểm Soát có vai trò thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS có 03 thành viên với nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 3 năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các kiểm soát viên, việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS do Điều lệ Công ty quy định.

**Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc của Công ty được HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày, giám sát và phân bổ công việc cho đội ngũ nhân viên của Công ty, kiểm soát tình hình tài chính - kế toán, quản lý vốn và kiểm soát nội bộ của Công ty.

## 8. Cơ cấu cổ đông

**Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/11/2022**

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ/số lượng cổ phiếu đã phát hành | Tỷ lệ/số lượng cổ phiếu đang lưu hành |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Cổ đông trong nước, nước ngoài** | **373** | **35.844.262** | **100%** | **124,74%** |
| **1** | **Trong nước** | **371** | **11.172.312** | **31,17%** | **38,88%** |
| 1.1 | Nhà nước | - | - | 0% | 0% |
| 1.2 | Tổ chức | 3 | 3.279.144 | 9,15% | 11,41% |
| 1.3 | Cá nhân | 368 | 7.893.168 | 22,02% | 27,47% |
| **2** | **Nước ngoài** | **1** | **17.563.688** | **49,00%** | **61,12%** |
| 2.1 | Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | 1 | 17.563.688 | 49,00% | 61,12% |
| 2.2 | Cá nhân | - | - | 0% | 0% |
| **3** | **Cổ phiếu quỹ** | **1** | **7.108.262** | **19,93%** | **24,74%** |
| **II** | **Cổ đông lớn, cổ đông khác** | **373** | **35.844.262** | **100%** | **124,74%** |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Cổ đông lớn | 3 | 22.733.241 | 63,42% | 79,11% |
| 2 | Cổ đông khác | 369 | 6.002.759 | 16,75% | 20,89% |
| 3 | Cổ phiếu quỹ (*) | 1 | 7.108.262 | 19,83% | 24,74% |

*Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty tại ngày 28/11/2022*

*(*) Số lượng cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2021 trên Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất; và Số lượng cổ phiếu của Công ty tại 30/11/2022 như sau:*

| Cổ phiếu | Hợp nhất | | Riêng lẻ | |
|---|---|---|---|---|
| | 31/12/2021 | 30/11/2022 | 31/12/2021 | 30/11/2022 |
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 35.844.262 | 35.844.262 | 35.844.262 | 35.844.262 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 35.844.262 | 35.844.262 | 35.844.262 | 35.844.262 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 25.873.560 | 28.736.000 | 28.736.000 | 28.736.000 |
| Số lượng cổ phiếu quỹ | 9.970.702 | 7.108.262 | 7.108.262 | 7.108.262 |

*Nguồn: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2021, thông tin từ VNG*

Tại 31/12/2021, số lượng cổ phiếu quỹ tại BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 là 9.970.702 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu quỹ tại BCTC riêng kiểm toán năm 2021 là 7.108.262 cổ phiếu. Số chênh lệch 2.862.440 cổ phiếu thuộc sở hữu của các công ty con của VNG, số lượng cổ phiếu này được công ty con VNG mua trước thời điểm quy định: "Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ" của Luật doanh nghiệp 2014 có hiệu lực.

Đến ngày 30/11/2022, các công ty con của VNG đã không còn sở hữu cổ phiếu của VNG. Hiện nay, Công ty tuân thủ các quy định về sở hữu chéo của Luật doanh nghiệp 2020.

**Bảng 5: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại 28/11/2022**

| STT | Cổ đông | Địa chỉ | Số CCCD/ĐKKD /ĐKSH | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ/Vốn Điều Lệ | Tỷ lệ/số CP đang lưu hành |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Cổ đông tổ chức** | | | | | |
| 1 | VNG Limited | 190 Elgin Avenue, George Town, Grand Cayman KY1-9008, Cayman Islands | 388836 | 17.563.688 | 49% | 61,1% |
| 2 | Công ty Cổ phần Công nghệ BigV | Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường | 0316949845 | 1.643.716 | 4,6% | 5,7% |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | | | | |
| **II** | **Cổ đông cá nhân** | | | | | |
| 1 | Lê Hồng Minh | B1-27, Lô S8, Khu Chateau, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh | 001077042093 | 3.525.837 | 9,8% | 12,3% |

*Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty chốt tại ngày 28/11/2022*

**9. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng**

***9.1. Công ty mẹ***

Không có.

***9.2. Công ty con***

**Bảng 6: Công ty con của Công ty**

| TT | Tên công ty | Số GCN ĐKKD | Ngày cấp GCN ĐKKD lần đầu | Nơi cấp | Địa điểm hoạt động | Hoạt động kinh doanh chính | Vốn điều lệ đăng ký | Vốn điều lệ thực góp | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ biểu quyết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ***I*** | ***Công ty con trực tiếp*** | | | | | | | | | |
| 1 | Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ - Dữ Liệu Công Nghệ Thông Tin Vi Na | 0304851362 | 26/02/2007 | Sở KHĐT TP HCM | Việt Nam | Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính | 180 tỷ đồng | 180 tỷ đồng | 99,94% | 99,94% |
| 2 | Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EPI | 0101889875 | 14/03/2006 | Sở KHĐT TP Hà Nội | Việt Nam | Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông | 1 tỷ đồng | 1 tỷ đồng | 100% | 100% |
| 3 | Công Ty TNHH VNG Online | 0106180708 | 16/5/2013 | Sở KHĐT TP HCM | Việt Nam | Cung cấp dịch vụ cổng thông tin và sản xuất phần mềm | 1 tỷ đồng | 1 tỷ đồng | 100% | 100% |
| 4 | Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Mạng Vi Na | 0305418909 | 29/12/2007 | Sở KHĐT TP HCM | Việt Nam | Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông | 77 tỷ đồng | 77 tỷ đồng | 99,5% | 99,5% |
| 5 | Công Ty TNHH Phát Triển Phần Mềm VNG | 0310964981 | 05/7/2011 | Sở KHĐT TP HCM | Việt Nam | Sản xuất và phát triển phần mềm | 60 tỷ đồng | 60 tỷ đồng | 100% | 100% |
| 6 | Công Ty TNHH Giải Trí Long Đỉnh | 0105976790 | 23/8/2012 | Sở KHĐT TP Hà Nội | Việt Nam | Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng | 20 tỷ đồng | 20 tỷ đồng | 100% | 100% |
| 7 | Công Ty Cổ Phần Zion | 0101659783 | 22/4/2005 | Sở KHĐT TP HCM | Việt Nam | Dịch vụ trung gian thanh toán | 1.893.tỷ đồng | 1.893tỷ đồng | 69,982% | 69,982% |
| 8 | Công Ty TNHH ZingPlay Việt Nam | 0401510382 | 23/8/2012 | Sở KHĐT TP Đà Nẵng | Việt Nam | Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng | 10 tỷ đồng | 10 tỷ đồng | 100% | 100% |
| 9 | Công ty Cổ phần A4B | 0317152763 | 16/02/2022 | Sở KHĐT TP HCM | Việt Nam | Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm | 500 triệu đồng | 500 triệu đồng | 69,8% | 69,8% |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Công ty TNHH Phát triển phần mềm VTH | 0317484078 | 21/09/2022 | Sở KHĐT Tp. HCM | Việt Nam | Đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp | 180 tỷ đồng | 200 triệu đồng | 100% | 100% |
| 11 | Công ty TNHH Verichains | 0317231038 | 04/04/2022 | Sở KHĐT Tp. HCM | Việt Nam | Sản xuất phần mềm | 10.045.000 .000 đồng | 10.045.000 .000 đồng | 100% | 100% |
| 12 | Quỹ Từ thiện Cộng đồng Người sử dụng Internet Việt Nam | Quyết định thành lập số 502/QD-BNV | 12/5/2010 | Bộ Nội Vụ | Việt Nam | Hoạt động từ thiện | n/a | n/a | 100% | 100% |
| ***II*** | ***Công ty con gián tiếp*** | | | | | | | | | |
| 1 | Công Ty TNHH Truyền Thông Minh Phương Thịnh | 0401383222 | 11/10/2010 | Sở KHĐT TP Đà Nẵng | Việt Nam | Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng | 6 tỷ đồng | 6 tỷ đồng | 100% | 100% |
| 2 | Công Ty TNHH VNG Data Center | 0316176017 | 03/03/2020 | Sở KHĐT TP HCM | Việt Nam | Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin | 450 tỷ đồng | 450 tỷ đồng | 99,94% | 99,94% |
| 3 | VNG Singapore Pte Ltd. | 201209679M | 18/4/2012 | ACRA | Singapore | Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi | 22.862.243 SGD | 29.000.000 USD | 99,94% | 99,94% |
| 4 | VNG Myanmar Company Limited | 101453960 | 08/03/2018 | DICA | Myanmar | Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến | 500.000 USD | 500.000 USD | 99,94% | 99,94% |
| 5 | MLT Hong Kong Limited | 2728358 | 31/07/2018 | Companies Registry | Hong Kong | Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến | 509.600 USD | 509.600 USD | 100% | 100% |
| 6 | VNG Game Co., Ltd., | 0105563158 470 | 26/10/2020 | Department of Business Development | Thái Lan | Phát triển và cập nhật game online và game trên điện thoại | 30.690.000 THB | 30.690.000 THB (899.921.9 USD) | 99,94% | 99,94% |
| 7 | Công Ty Cổ Phần XFM | 0316262964 | 08/05/2020 | Sở KHĐT TP HCM | Việt Nam | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc | 42,4 tỷ đồng | 42,4 tỷ đồng | 99,98% | 99,98% |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | ZingPlay International Pte Ltd. | 201823533C | 11/07/2018 | ACRA | Singapore | Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính | 350.000 SGD | 244.106.57 USD | 99,94% | 99,94% |
| 9 | Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn | 0105370181 | 20/06/2011 | Sở KHĐT TP Hà Nội | Việt Nam | Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông | 3 tỷ đồng | 3 tỷ đồng | 69,982% | 69,982% |
| 10 | Công Ty Cổ Phần Adtima | 0316928193 | 05/07/2021 | Sở KHĐT TP HCM | Việt Nam | Quảng cáo trực tuyến | 20 tỷ đồng | 20 tỷ đồng | 99,999% | 99,999% |
| 11 | Công Ty Cổ Phần Fiza | 0316928404 | 05/07/2021 | Sở KHĐT TP HCM | Việt Nam | Quảng cáo trực tuyến | 10 tỷ đồng | 10 tỷ đồng | 99,997% | 99,997% |
| 12 | Công Ty Cổ Phần Mixus | 0317257452 | 20/04/2022 | Sở KHĐT TP HCM | Việt Nam | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc | 3 tỷ đồng | 3 tỷ đồng | 99,934% | 99,934% |
| 13 | VNG Investment Pte. Ltd. | 202207313Z | 02/03/2022 | ACRA | Singapore | Phát triển và kinh doanh phần mềm, thiết bị và phụ tùng máy tính; các dịch vụ liên quan khác | 1 USD | n/a | 100 % | 100 % |
| 14 | Verichains SG Pte. Ltd | 202224603W | 15/07/2022 | ACRA | Singapore | Phát triển phần mềm và ứng dụng, các hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác | 400.001 USD | 400.001 USD | 100 % | 100 % |

*Nguồn: VNG*

### *9.3. Những công ty nắm giữ quyền kiểm soát, chi phối với Công ty*

Không có.

## 10. Hoạt động kinh doanh

### *10.1. Hoạt động kinh doanh của VNG*

Các mảng kinh doanh chính của VNG bao gồm Trò chơi trực tuyến, Nền tảng kết nối, Thanh toán và Tài chính, Dịch vụ đám mây. VNG có hoạt động kinh doanh tại thị trường trong nước và thị trường quốc tế (như HongKong, Thái Lan, Singapore, Philippines, Myanmar, Đài Loan, Indonesia).

| Dịch vụ | Công ty vận hành chính | |
|---|---|---|
| Trò chơi trực tuyến | ▪ Công Ty TNHH Zingplay Việt Nam<br>▪ Công Ty TNHH Giải Trí Long Đỉnh<br>▪ Công Ty TNHH Truyền Thông Minh Phương Thịnh<br>▪ VNG Singapore Pte. Ltd.<br>▪ Zingplay International Pte. Ltd.<br>▪ VNG Games Co., Ltd. | <br>TRÒ CHƠI TRỰC TUYẾN |
| Nền tảng kết nối | ▪ Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EPI<br>▪ Công Ty TNHH VNG Online<br>▪ Công Ty Cổ Phần Adtima<br>▪ Công Ty Cổ Phần XFM<br>▪ Công Ty Cổ Phần Fiza<br>▪ Công Ty Cổ Phần Mixus | <br>NỀN TẢNG KẾT NỐI |
| Thanh toán và Tài chính | ▪ Công Ty Cổ Phần ZION | <br>THANH TOÁN & TÀI CHÍNH |
| Dịch vụ đám mây | ▪ Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ - Dữ Liệu Công Nghệ Thông Tin Vi Na<br>▪ Công Ty TNHH VNG Data Center | <br>DỊCH VỤ ĐÁM MÂY |

**Sản phẩm chính của VNG**

- **Các sản phẩm trò chơi trực tuyến**

Là lĩnh vực kinh doanh nòng cốt gắn liền với tên tuổi VNG, VNG không chỉ chú trọng phát hành trong Trò chơi trực tuyến mà còn tự phát triển game và chinh phục giấc mơ "Mang chuông đi đánh xứ người". Tính đến hết tháng 9 năm 2022, mảng Trò chơi trực tuyến của VNG có 12 Game Studio với 1.415 nhân viên chính thức, vận hành 168 tựa game trên hơn 20 quốc gia.

***Đối với Mảng phát hành game (Game Pubishing)***, trong 9 tháng đầu năm 2022, VNG đã phát hành thêm 29 games mới và sở hữu 12 triệu người dùng hoạt động hàng tháng. Tập trung vào thế mạnh về nguồn dữ liệu dồi dào và đội ngũ vận hành giàu kinh nghiệm, Trò chơi trực tuyến đã có mặt tại 7 quốc gia chính và gần 20 thị trường quốc gia khác, bao gồm Việt Nam, Đài Loan, Thái Lan, Indonesia, Philippines, Singapore, Malaysia, Khu vực Mỹ La Tinh, Khu vực Trung Đông, Ấn Độ, Châu Phi, Úc và New Zealand…v.v.

***Đối với Mảng phát triển game (Game Development),*** VNG tận dụng thế mạnh về công nghệ và con người để tự phát triển game, thực hiện giấc mơ "go global", các game do Công ty tự phát triển hiện được phát hành tại hơn 20 thị trường khác nhau, ghi nhận sự tăng trưởng tích cực trong doanh thu và người dùng. Trong 9 tháng đầu năm 2022, mảng game tự phát triển của VNG đã ra mắt 9 tựa game mới và tiếp tục giữ vững vị Top 1 thị trường card game của mảng game tự phát triển (ZingPlay card game): Việt Nam, Philippines và Brazil; đồng thời mở rộng đến các thị trường mới như Mexico, Ấn Độ, Argentina, Indonesia.

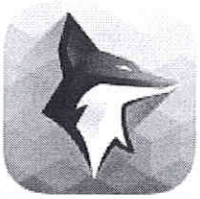

Được xem là gạo cội trong khối phát triển game tại VNG, ZingPlay Studio đã vận hành gần 100 tựa game tại 15 quốc gia trên thế giới (tại khu vực SEA, LATAM, MENA...), cán mốc hơn 20 triệu người dùng toàn cầu hàng tháng từ năm 2021.

Ngoài ra, MadPoly Studio phát triển tựa game Dead Target, đặc biệt phát triển mạnh mẽ ở các thị trường như Trung Phi, Tây Phi, Nam Phi; khu vực Caribbean, Trung Mỹ, Úc và New Zealand.

Công ty con của VNG – VNG Games là một trong những nhà phát hành game hàng đầu khu vực Đông Nam Á, VNG Games đã và đang nhập khẩu và phân phối các game IP lớn tại Việt Nam, Đông Nam Á, Nam Mỹ và Mỹ Latinh.

Một số trò chơi trực tuyến nổi tiếng của VNG Games như sau:

Tựa game kế thừa tinh hoa của dòng game kiếm hiệp, phát huy những công nghệ mới để phù hợp với xu hướng của thời đại vừa ra mắt thành công trong tháng 4 và hiện đang là tâm điểm chú ý của cộng đồng game thủ.

Bom tấn kiếm hiệp nhập vai dòng Võ Lâm Truyền Kỳ kế thừa và phát huy tối đa những tinh hoa từ dòng sản phẩm Võ Lâm Truyền Kỳ 1 PC tiền nhiệm, đồ họa nguyên bản và những tính năng đặc sắc được tối ưu trên Mobile

Liên Minh Huyền Thoại: Tốc Chiến được VNGGames đầu tư và định hướng phát triển theo hướng eSport chuyên nghiệp với hàng loạt giải đấu. Đây cũng là một trong các nội dung thi đấu của Thể thao Điện tử tại SEA Games 31.

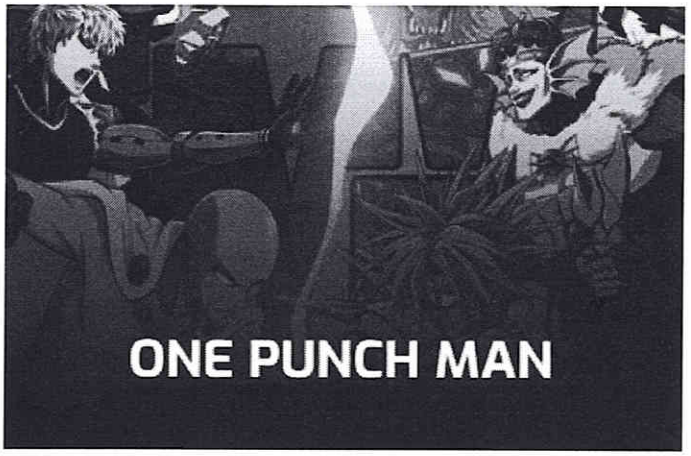


One Punch Man: The Strongest là Game mobile bản quyền Anime One Punch Man đầu tiên tại Việt Nam do VNG độc quyền phát hành tại Việt Nam

PUBG Mobile là tựa game bắn súng sinh tồn nổi tiếng Thế giới được VNG Games độc quyền phát hành tại Việt Nam. Sau hơn 1 năm ra mắt, PUBG Mobile có lượng cộng đồng lớn nhất nhì Việt Nam và đây cũng là một bộ môn thi đấu eSport của SEA Games.

Tân OMG3Q VNG - được ví như một chân trời mới đối với những ai yêu thích dòng game đấu tướng chiến thuật. Khác biệt từ tạo hình đến lối chơi, tựa game này hứa hẹn mang đến nhiều trải nghiệm mới lại cho game thủ.

Forsajen World: Thần ma đại lục là Game thể loại Fantasy mang phong cách Bắc Âu rõ nét. Đây là game có lối chơi MMORPG đặc sắc, đưa người chơi vào một không gian lục địa huyền bí đầy thách thức và hiểm nguy.

Đấu La VNG là game đấu tướng chiến thuật dựa trên nguyên tác tiểu thuyết Đấu La Đại Lục, nơi các Hồn Sư thu thập Võ Hồn từ việc Săn bắt Hồn Thú, kết hợp Hồn Hoàn, kích hoạt Hồn Kỹ ... cùng với đồ họa 3D, phong cách anime vô cùng đặc sắc.

Ngoài các Game được yêu thích nhất bên trên, VNG Games còn phát hành Gunny Origin, Tân Thiên Long Mobile, OMG 2, Danh Tướng 3Q, Play Together, Thiện Nữ, Valorant và nhiều tựa game khác.

Doanh thu đến từ các sản phẩm trò chơi trực tuyến được ghi nhận vào Doanh thu Dịch vụ trò chơi trực tuyến trên BCTC.

- **Các sản phẩm nền tảng kết nối**

Hệ sinh thái nền tảng kết nối của VNG bao gồm các nền tảng di động và các ứng dụng hỗ trợ người dùng trong các hoạt động hàng ngày như liên lạc (Zalo), nghe nhạc (Zing MP3), tin tức (Baomoi), trợ lý ảo tiếng việt (Kiki) và một số nền tảng khác.

- ✓ Zalo trực thuộc Công Ty Cổ Phần VNG quản lý. Đây là một ứng dụng mạng xã hội kết nối phổ biến nhất tại Việt Nam hiện nay. Là một ứng dụng của người Việt Nam nên giao diện và chức năng đều phù hợp và dễ sử dụng với người Việt, Zalo được VNG ra mắt lần đầu tiên vào tháng 8/2012 (bản thử nghiệm) và bản chính thức ra mắt vào đầu năm 2013. Trong năm 2021, Zalo đã có thời điểm đạt 2,2 tỷ tin nhắn một ngày, 322 triệu phút gọi một ngày. Với tính năng Zalo OA (Zalo Official Account), trong năm 2021, Zalo đã phát huy sức mạnh kết nối, trở thành phương tiện truyền thông đắc lực cho phép khai báo y tế, tiếp nhận phản ánh, và gửi đi hơn 14 tỷ thông báo khẩn từ bộ Y tế và chính quyền địa phương đến người dân. Đến nay Zalo trở thành ứng dụng số 1 về tốc độ phát triển và độ phủ sóng tại khắp Việt Nam.
- ✓ Zing là một dịch vụ âm nhạc kỹ thuật số thuộc hệ thống Zing được quản lý và vận hành bởi Công Ty Cổ Phần VNG . Ra mắt lần đầu từ năm 2007, đến nay Zing MP3 là một trong những nền tảng âm nhạc trực tuyến lớn nhất Việt Nam.
- ✓ Báo Mới là một nền tảng tổng hợp thông tin tiếng Việt thuộc Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EPI quản lý. Báo Mới hoàn toàn được điều khiển tự động bởi máy tính. Theo đó, mỗi ngày gần 5.000 tin tức từ gần 100 nguồn chính thức của các báo điện tử và trang tin điện tử Việt Nam được Báo Mới tự động tổng hợp, phân loại, phát hiện các bài đăng lại, nhóm các bài viết liên quan và hiển thị theo sở thích đọc tin của từng độc giả.

Doanh thu đến từ các sản phẩm nền tảng kết nối được ghi nhận vào Doanh thu Dịch vụ quảng cáo trực tuyến và Doanh thu Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát trên BCTC.

- **Thanh toán & Tài chính**

Ứng dụng ZaloPay là ứng dụng thanh toán di động được quản lý bởi Công Ty Cổ Phần Zion với các tính năng độc đáo được xây dựng chuyên biệt nhằm đáp ứng mọi nhu cầu thanh toán, phục vụ cho cá nhân và doanh nghiệp.

Từ 2016 đến nay, ZaloPay đã liên kết với 39 ngân hàng và 5.000+ đối tác, tăng trưởng người dùng hoạt động hàng tháng lên tới 51% trong năm 2021. Ngoài ra, ZaloPay đã hợp tác kết nối với hầu hết các ngân hàng như Vietinbank, Sacombank, Eximbank, Vietcombank, SCB, MBBank,

VPBank, Bản Việt, Agribank, VIB … và nhiều đối tác lớn trên toàn quốc như Tiki, Lazada, BigC, BAEMIN… v.v.

Doanh thu đến từ mảng Thanh toán & Tài chính được ghi nhận vào Doanh thu Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet trên BCTC.

- **Dịch vụ Đám mây**

VNG Cloud, trực thuộc Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ - Dữ Liệu Công Nghệ Thông Tin Vi Na là nhà cung cấp các dịch vụ và giải pháp điện toán đám mây đạt tiêu chuẩn thế giới, hỗ trợ các doanh nghiệp trong hành trình chuyển đổi số và đã được bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao. VNG Cloud đã đồng hành cùng 890 khách hàng doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số, ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu 2021 lên tới 68%. VNG Cloud hiện có nhiều sản phẩm đa dạng như vServer, vCDN, vStorage, vCloudcam, vCloudStack, vMeeting, Digital Workspace.

Doanh thu đến từ mảng Dịch vụ Đám mây được ghi nhận vào Doanh thu Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet trên BCTC.

Ngoài các dịch vụ chính nêu trên, VNG còn cung cấp dịch vụ nội dung tin bài, thi công hệ thống mạng và cung cấp giải pháp eKYC cho các ngân hàng dưới tên gọi phần mềm TrueID.

### *10.2. Hiệu quả hoạt động kinh doanh*

- **Cơ cấu doanh thu 02 năm gần nhất và 09 tháng đầu năm 2022**

**Bảng 7: Cơ cấu doanh thu hợp nhất giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Hợp nhất | 2020 | | 2021 | | | 9 tháng 2022 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | % (+/-) | Giá trị | Tỷ trọng |
| Dịch vụ trò chơi trực tuyến | 4.759.676 | 78,43% | 6.156.948 | 80,49% | 29,36% | 4.056.586 | 70,38% |
| Dịch vụ quảng cáo trực tuyến | 983.109 | 16,20% | 1.001.128 | 13,09% | 1,83% | 933.257 | 16,19% |
| Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet | 294.612 | 4,85% | 444.576 | 5,81% | 50,90% | 683.621 | 11,86% |
| Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát | 11.543 | 0,19% | 31.384 | 0,41% | 171,89% | 21.386 | 0,37% |
| Khác | 19.977 | 0,33% | 15.024 | 0,20% | -24,79% | 69.051 | 1.2% |
| **Tổng cộng** | **6.068.916** | **100%** | **7.649.060** | **100%** | **26,04%** | **5.763.901** | **100%** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 của VNG và BCTC hợp nhất 9 tháng 2022*

Tổng doanh thu của VNG năm 2021 tăng 26,04% so với năm 2020, đạt 7.649 tỷ đồng. Trong đó, tổng doanh thu của VNG chủ yếu đến từ bốn mảng chính bao gồm dịch vụ trò chơi trực tuyến (sản phẩm thẻ/mã số thẻ trò chơi được nạp vào trò chơi) chiếm 80,49%, dịch vụ quảng cáo trực tuyến (sản phẩm quảng cáo trên các trang web, trang chủ của trò chơi và các nền tảng kết nối) chiếm 13,9%, dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet (sản phẩm Zalopay và VNG Clouds) chiếm 5,81%, dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát (sản phẩm ZingMP3) chiếm 0,41% và các dịch vụ khác chiếm 0,2%.

Trong đó, dịch vụ trò chơi trực tuyến là dịch vụ cốt lõi mang lại nguồn doanh thu chính cho VNG với tỷ trọng từ 70-80% trong tổng doanh thu. Doanh thu dịch vụ trò chơi trực tuyến năm 2021 đạt 6.157 tỷ đồng tăng 29,36% so với năm 2020 (năm 2020 đạt 4.760 tỷ đồng) do Công ty phát hành và phát triển thêm các trò chơi mới đa dạng và hấp dẫn, đồng thời đẩy mạnh marketing thu hút và mở rộng tập khách hàng. Cùng với nguyên nhân trong thời gian xảy ra đại dịch Covid-19, các chỉ thị giãn cách xã hội khiến cho người dùng có nhiều thời gian tại nhà và tìm đến game như một công cụ để giải trí, giải tỏa sự bức bách và căng thẳng tâm lý.

Dịch vụ quảng cáo trực tuyến là dịch vụ quảng cáo trên các trang chủ của VNG, trang chủ của các trò chơi dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối biểu tượng, v.v. Đây là dịch vụ có doanh thu cao thứ 2 trong tổng doanh thu của Công ty, dịch vụ này có giá trị tăng nhẹ từ 983 tỷ đồng năm 2020 lên 1.001 tỷ đồng năm 2021.

Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet là dịch vụ thuộc mảng Thanh toán & Tài chính và Dịch vụ Đám mây chiếm trên dưới 5% tổng doanh thu của VNG, giá trị của dịch vụ này lần lượt là 294,6 tỷ đồng năm 2020 và 444,6 tỷ đồng năm 2021, đạt mức tăng trưởng 50,9%.

Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát chiếm tỷ trọng nhỏ, mỗi năm mang lại cho VNG vài chục tỷ đồng.

Doanh thu khác là doanh thu từ hoạt động cung cấp phần mềm TrueID và cho thuê mặt bằng kinh doanh tại VNG Capmus, dịch vụ này không có nhiều biến động trong năm 2020 và 2021, mang lại doanh thu lần lượt là 19,97 tỷ đồng và 15 tỷ đồng.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022, Doanh thu dịch vụ trò chơi trực tuyến đạt 4.056,5 tỷ đồng, chiếm 70% doanh thu thuần và giảm 12,7% so với cùng kỳ. Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến đạt 933 tỷ đồng, tăng 28,7% so với cùng kỳ.

Tăng trưởng mạnh trong doanh thu của VNG 9 tháng đầu năm là Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet, đạt 683.6 tỷ tăng 109,6% so với cùng kỳ và chiếm 11.86% tổng doanh thu của VNG. Có sự tăng trưởng này là do sự tăng trưởng mạnh về doanh thu của mảng Thanh toán & Tài chính,

9 tháng đầu năm 2022 doanh thu khác đạt 69 tỷ đồng, tăng 61,6 tỷ đồng so với cùng kỳ là do phát sinh mới hoạt động cung cấp nội dung tin bài và thi công hệ thống mạng internet.

**Bảng 8: Cơ cấu doanh thu riêng giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Riêng | 2020 | | 2021 | | | 9 tháng 2022 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | % (+/-) | Giá trị | Tỷ trọng |
| Dịch vụ trò chơi trực tuyến | 3.025.245 | 74,01% | 4.217.273 | 78,88% | 39,40% | 2.753.859 | 75.97% |
| Dịch vụ quảng cáo trực tuyến | 948.578 | 23,21% | 942.266 | 17,62% | -0,67% | 652.712 | 18.01% |
| Dịch vụ cho thuê | 44.210 | 1,08% | 44.210 | 0,83% | 0,00% | 47.324 | 1.31% |
| Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát | 6.625 | 0,16% | 31.384 | 0,59% | 373.72% | 21.348 | 0.59% |
| Dịch vụ thông báo zalo | 1.546 | 0,04% | 10.663 | 0,20% | 589,72% | 28.237 | 0.78% |
| Dịch vụ phòng máy | 8.861 | 0,22% | - | 0,00% | - | | |
| Khác | 52.355 | 1,28% | 100.871 | 1.89% | 92,67% | 121.360 | 3,35% |
| **Tổng cộng** | **4.087.420** | **100%** | **5.346.667** | **100%** | **30,81%** | **3.624.840** | **100%** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 của VNG và số liệu riêng lẻ 9 tháng 2022*

Doanh thu công ty mẹ của Công Ty Cổ Phần VNG năm 2021 đạt 5.346,7 tỷ đồng tăng 30,81% so với năm 2020. Cơ cấu doanh thu năm 2021 khá tương đồng với doanh thu hợp nhất, trong đó dịch vụ trò chơi trực tuyến chiếm 79% tổng doanh thu thuần Dịch vụ quảng cáo trực tuyến chiếm 17,62% tổng doanh thu, các dịch vụ còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ dưới 2% tổng doanh thu.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022, tổng doanh thu công ty mẹ đạt 3.624,8 tỷ đồng, giảm 10% so với cùng kỳ 2020. Tỷ trọng các loại doanh thu không có nhiều thay đổi trong đó doanh thu dịch vụ trò chơi trực tuyến đạt 2.753,9 tỷ đồng chiếm 76% tổng doanh thu thuần, doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tiếp đạt 652,7 tỷ đồng chiếm 18% tổng doanh thu thuần, còn lại là các doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ.

- **Cơ cấu lợi nhuận gộp**

**Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Hợp nhất | 2020 | | 2021 | | | 9 tháng 2022 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | % (+/-) | Giá trị | Tỷ trọng |
| Lợi nhuận gộp | 2.658.188 | 100% | 3.543.564 | 100% | 33,31% | 2.542.955 | 100% |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp | 43,80% | | 46,33% | | | 44,12% | |

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 của VNG và BCTC hợp nhất 9 tháng 2022, VNG tính toán*

Tổng lợi nhuận gộp hợp nhất của VNG đạt 3.543,6 tỷ đồng năm 2021, tăng 33,31% so với 2020, chủ yếu đến từ mức tăng trưởng doanh thu cao của mảng Trò chơi trực tuyến. Tỷ suất lợi nhuận gộp trên tổng doanh thu năm 2021 đạt 46,33%, cải thiện hơn so với mức 43,80% năm 2020. Lợi nhuận gộp 9 tháng đầu năm 2022 đạt 2.542,96 tỷ đồng. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp giảm nhẹ còn 44,12% do doanh thu tăng trưởng chậm lại trong bối cảnh kinh tế 2022 không thuận lợi.

**Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp riêng giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Riêng | 2020 | | 2021 | | | 9 tháng 2022 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | % (+/-) | Giá trị | Tỷ trọng |
| Tổng cộng | 1.676.677 | 100% | 2.363.671 | 100% | 40,97% | 1.545.777 | 100% |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp | 41,02% | | 44,21% | | | 42,64% | |

*Nguồn: Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 của VNG và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2022, VNG tính toán*

Lợi nhuận gộp trên Báo cáo riêng của VNG đạt 2.364 tỷ đồng năm 2021, tăng hơn 40,97% so với 2020, chủ yếu đến từ mức tăng trưởng doanh thu cao của mảng Trò chơi trực tuyến. Tỷ suất lợi nhuận gộp trên tổng doanh thu năm 2021 đạt trên 44,2%, cải thiện hơn so với 41% năm 2020. Lợi nhuận gộp 9 tháng đầu năm 2022 đạt 1.546 tỷ đồng, giảm 16,41% so với 9 tháng cùng kỳ năm trước (1.849 tỷ đồng). Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp giảm nhẹ còn 42,64% do doanh thu tăng trưởng chậm lại trong bối cảnh kinh tế 2022 không thuận lợi trong khi các chi phí cố định không giảm nhiều.

- **Cơ cấu chi phí 02 năm gần nhất và 09 tháng đầu năm 2022**

**Bảng 11: Cơ cấu chi phí hợp nhất giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Hợp nhất | 2020 | | 2021 | | | 9 tháng 2022 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Tỷ trọng /DTT | Giá trị | Tỷ trọng /DTT | % (+/-) | Giá trị | Tỷ trọng /DTT |
| Giá vốn hàng bán | 3.410.727 | 56,20% | 4.105.496 | 53,67% | 20,37% | 3.220.946 | 55,88% |
| Chi phí tài chính | 5.798 | 0,10% | 28.302 | 0,37% | 388,13% | 11.972 | 0,21% |
| Chi phí bán hàng | 1.581.001 | 26,05% | 2.361.349 | 30,87% | 49,36% | 2.029.844 | 35,22% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 745.776 | 12,29% | 1.112.079 | 14,54% | 49,12% | 1.000.514 | 17,36% |
| **Tổng cộng** | **5.743.303** | **94,63%** | **7.607.226** | **99,45%** | **32,45%** | **6.263.277** | **108,66%** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 của VNG BCTC hợp nhất 9 tháng 2022*

Giá vốn hàng bán bao gồm các chi phí mua hàng hóa, chi phí mua phần mềm ban đầu, chi phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ và hàng hóa.

Giá vốn hàng bán hợp nhất năm 2021 của VNG đạt 4.105 tỷ đồng, tỷ trọng giá vốn trên doanh thu thuần ở mức 53,67%, là chi phí cao nhất trong tổng chi phí hợp nhất của VNG. Giá vốn hàng bán hợp nhất năm 2021 đạt 4.105,5 tỷ đồng tăng 20,37% so với năm 2020, tương ứng với mức tăng của doanh thu thuần. Xếp thứ 2 là chi phí bán hàng với giá trị hợp nhất năm 2021 là 2.361,3 tỷ đồng, tỷ trọng chi phí bán hàng hợp nhất trên doanh thu thuần là 30,87%. Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí lớn thứ 3 trong tổng chi phí, tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp hợp nhất trên doanh thu thuần năm 2021 là 14,54%. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 tăng cùng mức 49% so với năm 2020 do Công ty đẩy mạnh hoạt động marketing cho các sản phẩm trò chơi hiện hữu cũng như trò chơi mới phát hành trong 2021 và tăng cường tuyển dụng phục vụ quá trình mở rộng hoạt động phát hành trò chơi ở các thị trường mới như Châu Mỹ La-tinh, Đài Loan,..v.v và đầu tư chi phí nhân sự cho các mảng kinh doanh chính khác như Nền tảng kết nối và Thanh toán & Tài chính, nhằm tăng cường sức cạnh tranh, giữ chân và phát huy nguồn lực nhân sự công nghệ khan hiếm ở Việt Nam. Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng không đáng kể trong doanh thu thuần.

9 tháng đầu năm 2022, tổng chi phí hợp nhất của toàn Công ty đạt 6.263 tỷ đồng tăng 15,8% so với cùng kỳ năm 2021 (9 tháng đầu năm 2021 tổng chi phí hợp nhất của Công ty là 5.409 tỷ đồng). Tỷ trọng tổng chi phí trên doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2022 là 108,66%, nguyên nhân là do sự sụt giảm của doanh thu trong 9 tháng đầu năm, trong khi đó tổng chi phí giảm lại tăng lên. Trong đó, giá vốn hợp nhất là 3.220,95 tỷ đồng, tăng 9,1% so với cùng kỳ 2021, tỷ trọng giá vốn trên doanh thu thuần là 55,88%. Chi phí bán hàng hợp nhất 9 tháng là 2.029,84 tỷ đồng, tăng 20,1% so với cùng kỳ; tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần là 35,22%. Chi phí quản lý doanh nghiệp hợp nhất là 1.000,54 tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ, tỷ trọng trên doanh thu thuần là 17,36%.

**Bảng 12: Cơ cấu chi phí riêng giai đoạn 2020 – 09 tháng đầu năm 2022**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Riêng | 2020 | | 2021 | | | 9 tháng 2022 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Tỷ trọng /DTT | Giá trị | Tỷ trọng /DTT | % (+/-) | Giá trị | Tỷ trọng /DTT |
| Giá vốn hàng bán | 2.410.743 | 58,98% | 2.982.996 | 55,79% | 23,74% | 2.079.063 | 57,36% |
| Chi phí tài chính | 407.165 | 9,96% | 1.387.144 | 25,94% | 240,68% | 819.085 | 22,60% |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Chi phí bán hàng | 736.482 | 18,02% | 963.700 | 18,02% | 30,85% | 884.435 | 24,40% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 561.121 | 13,73% | 774.589 | 14,49% | 38,04% | 715.569 | 19,74% |
| **Tổng cộng** | **4.115.511** | **100,69%** | **6.108.429** | **114,25%** | **48,42%** | **4.498.152** | **124,09%** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 của VNG và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2022*

Tổng chi phí của Công ty mẹ năm 2021 là 6.108,4 tỷ đồng, tăng 48,42% so với năm 2020. Tương tự như cơ cấu của chi phí hợp nhất, giá vốn hàng bán là chi phí lớn nhất của Công ty mẹ với tỷ trọng trên doanh thu thuần năm 2020 là 58,98%. Năm 2021, giá vốn hàng bán tăng 23,74% so với 2020, tương ứng với mức tăng của doanh thu. Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng 18% doanh thu tuần trong hai năm 2020 và 2021 và cũng tăng 30% cùng với mức tăng của doanh thu thuần. Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty chiếm tỷ trọng khoảng 13%-14% doanh thu thuần. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 là 774,5 tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2020 (tương ứng tăng 213 tỷ đồng về giá trị). Chi phí tài chính năm 2021 là 1.387 tỷ đồng, tăng 240% so với năm 2020 tương ứng với mức tăng 980 tỷ đồng là do Công ty trích dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn 922,7 tỷ đồng đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Zion và hạch toán lỗ khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Tiki 463,7 tỷ đồng.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022, tổng chi phí của Công ty là 4.498 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2021 (3.945 tỷ đồng). Tỷ trọng tổng chi phí trên doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2022 là 124%, nguyên nhân chủ yếu do việc trích lập thêm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn 809,5 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Zion và một số công ty liên kết dẫn đến chi phí tài chính tăng mạnh.

## 11. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 02 năm gần nhất và 9 tháng đầu năm 2022

**Bảng 13: Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2021 và và 09 tháng đầu năm 2022**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 2020 | 2021 | Tăng/giảm so với năm 2020 | 9 tháng đầu 2022 |
|---|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 7.853.844 | 9.237.281 | 17,61% | 9.189.399 |
| Vốn chủ sở hữu | 6.116.544 | 6.323.333 | 3,38% | 5.578.881 |
| Doanh thu thuần | 6.068.916 | 7.649.060 | 26,04% | 5.763.901 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 566.585 | 262.028 | -53,75% | (472.177) |
| Lợi nhuận khác | (171.034) | (8.049) | n/a | (24.373) |
| Lợi nhuận trước thuế | 395.551 | 253.979 | -35,79% | (496.550) |
| Lợi nhuận sau thuế | 200.919 | (72.399) | n/a | (764.496) |
| Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ | 462.733 | 412.660 | -10,82% | (419.338) |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Lỗ sau thuế cổ đông không kiểm soát | (261.814) | (485.060) | n/a | (345.158) |
| Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu (*) | 223.670 | 239.782 | 7,20% | 210.103 |

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 của VNG và BCTC hợp nhất 9 tháng 2022*

*(*) Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu sau khi loại bỏ lợi ích cổ đông không kiểm soát*

Tại ngày 31/12/2021, tổng giá trị tài sản hợp nhất của Công ty đạt 9.237 tỷ đồng, tăng 17,61% so với năm 2020. Nguyên nhân là do Công ty tăng tài sản hình thành trong quá trình hoạt động kinh doanh như tăng hơn 500 tỷ đồng với khoản đầu tư tài chính dài hạn, tăng gần 800 tỷ đồng với các khoản phải thu ngắn hạn, tăng hơn 69 tỷ đồng chi phí xây dựng cơ bản dở dang, và tăng hơn 165 tỷ đồng với đầu tư tài chính dài hạn.

Vốn chủ sở hữu hợp nhất của VNG năm 2021 là 6.233 tỷ đồng, tăng 3,38% so với năm 2020. Nguyên nhân là chủ yếu là do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 đạt 412,6 tỷ đồng và lợi ích cổ đông không kiểm soát đạt 119,3 tỷ đồng.

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2021 của Công ty là 7.649 tỷ đồng, tăng 1.580 tỷ đồng so với năm 2020 (tương ứng với 26,04%), nguyên nhân chủ yếu đến từ việc tăng mạnh doanh thu của dịch vụ trò chơi trực tuyến. Tuy doanh thu thuần hợp nhất tăng nhưng chi phí hoạt động hợp nhất của VNG tăng cao hơn dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2021 của VNG giảm 53,75% so với cùng kỳ, chủ yếu là do chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng, phục vụ cho chiến lược mở rộng thị trường và phát triển sản phẩm, đặc biệt là khoản đầu tư vào mảng Thanh toán & Tài chính trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt của thị trường Công nghệ tài chính.

Cũng do các chi phí năm 2021 tăng cao, đồng thời Công ty đang phải chịu khoản lỗ từ Zion và Tiki, lợi nhuận trước thuế hợp nhất chỉ đạt gần 254 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất là âm 72,3 tỷ đồng, giảm mạnh so với mức lãi 201 tỷ đồng của năm 2020. Trong đó, lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty Công ty mẹ đạt 412,6 tỷ đồng và lỗ sau thuế cổ đông không kiểm soát là âm 485 tỷ đồng.

Tại ngày 30/09/2022, Tổng tài sản hợp nhất của Công ty là 9.189 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với tổng tài sản tại 31/12/2021. Vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty tại ngày 30/09/2021 là 5.579 tỷ đồng, giảm 764 tỷ đồng so với tại ngày 31/12/2021, tương ứng giảm 15%, nguyên nhân do trong kỳ Công ty lỗ 764 tỷ đồng.

Doanh thu thuần hợp nhất của ông ty đạt 5.764 nghìn tỷ đồng, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tuy vậy, do giá vốn hàng bán tăng 9%, chi phí bán hàng tăng 20%, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 34% so với cùng kỳ nên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của VNG âm 472 tỷ đồng. Dẫn đến, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty 9 tháng đầu năm 2022 ở mức âm lần lượt là âm 496 tỷ đồng và âm 764 tỷ đồng.

**Bảng 14: Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh riêng giai đoạn 2021 và và 09 tháng đầu năm 2022**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 2020 | 2021 | Tăng/giảm so với năm 2020 | 9 tháng đầu 2022 |
|---|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 4.660.515 | 4.561.640 | -2,12% | 5.120.510 |
| Vốn chủ sở hữu | 3.558.498 | 2.855.439 | -19,76% | 2.999.715 |
| Doanh thu thuần | 4.087.420 | 5.346.667 | 30,81% | 3.624.840 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 242.466 | (706.835) | n/a | 160.311 |
| Lợi nhuận khác | (23.807) | (5.775) | n/a | (6.338) |
| Lợi nhuận trước thuế | 218.659 | (712.610) | n/a | 153.973 |
| Lợi nhuận sau thuế | 211.389 | (716.130) | n/a | 144.276 |

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 của VNG và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2022*

Tại ngày 31/12/2021 tổng giá trị tài Công ty mẹ là 4.562 tỷ đồng, giảm 2% so với tại ngày 31/12/2020.

Vốn chủ sở hữu công ty mẹ tại 31/12/2021 là 2.855 tỷ đồng, giảm 704 tỷ đồng so với tại ngày 31/12/2020 tương ứng giảm 19,76%, nguyên nhân chủ yếu là do chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 của Công ty mẹ là -716 tỷ đồng.

Trong năm 2021, Doanh thu thuần của Công ty mẹ đạt 5.347 tỷ đồng, tăng 30,8% so với năm 2020, tuy nhiên do việc trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn vào Công ty cổ phần Zion 922,7 tỷ đồng và hạch toán lỗ đầu tư dài hạn vào Công ty cổ phần Tiki 463,7 tỷ đồngdẫn đến lợi nhuận trước thuế âm 712,6 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của Công tyâm 716 tỷ đồng.

Tại ngày 30/09/2022, tổng tài sản của Công ty mẹ là 5.121 tỷ đồng, tăng 12,2% so với tại thời điểm 31/12/2021, nguyên nhân là do tăng hơn 1.000 tỷ đồng tài sản dài hạn trong khi tài sản ngắn hạn giảm hơn 500 tỷ đồng. Trong 9 tháng đầu năm 2022, Công ty đầu tư thêm hơn 800 tỷ đồng vào công ty con và hơn 1.000 tỷ đồng vào công ty liên kết đồng thời trích lập thêm hơn 800 tỷ đồng vào khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn. Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ tại 30/9/2022 là 2.999,7 tỷ đồng, tăng 5,1% so với tại ngày 31/12/2021, chủ yếu là do Công ty lãi 144 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong 9 tháng đầu năm 2022.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022, doanh thu thuần Công ty mẹ là 3.265 tỷ đồng, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2021. Bên cạnh đó, các chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lần lượt là 23,3% và 33,7% so với cùng kỳ, nhưng do sự tăng đột biến của doanh thu hoạt động tài chính với giá trị hơn 1.018 tỷ đồng từ cổ tức và lợi nhuận được chia từ công ty con của VNG nên

Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ vẫn đạt lần lượt 154 tỷ đồng và 144 tỷ đồng.

**Những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty**

Trong dòng chảy phát triển của cuộc Cách mạng 4.0 đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách ở Việt Nam không ngừng thay đổi các quy định, chính sách để đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Điều này bên cạnh các mặt thuận lợi thì nó còn đem đến nhiều rủi ro, thách thức đối với quá trình vận hành kinh doanh của các công ty công nghệ nói chung và VNG nói riêng. Việc thay đổi các chính sách liên quan đến quản lý các hoạt động trên internet nếu chưa được khảo sát, đánh giá với thực tiễn tại Việt Nam thì rất có thể trở thành rào cản kìm hãm sự phát triển của các doanh nghiệp Việt Nam. Với vị thế là một trong những công ty công nghệ hàng đầu tại Việt Nam, VNG luôn hiểu rõ trách nhiệm của mình trong việc góp ý xây dựng, sửa đổi các chính sách và tuân thủ các quy định của Chính Phủ liên quan đến quản lý hoạt động Internet để giảm thiểu tác động đối với quá trình vận hành của VNG.

Bên cạnh đó, VNG còn đặc biệt lưu ý tới rủi ro về thay đổi môi trường. Trong giai đoạn từ đầu năm 2021 đến nay, dịch bệnh Covid – 19 diễn ra trên toàn cầu, gây ảnh hưởng không hề nhỏ đối với nền kinh tế thế giới. Covid – 19 là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự phá sản của hàng nghìn doanh nghiệp toàn cầu. Riêng đối với VNG, Covid – 19 đã đem đến rất nhiều thách thức cho hoạt động kinh doanh, cụ thể, Covid – 19 đã trở thành rào cản rất lớn đối với quá trình "global" của VNG khi lệnh đóng cửa để phòng chống dịch của các quốc gia được áp dụng. Nhằm hạn chế rủi ro này, VNG đã chủ động thay đổi cách thức vận hành, cơ cấu nhân sự để phù hợp với xu thế chung và ngày càng phát triển.

## 12. Vị thế của Công ty trong ngành

- **Vị thế của VNG so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

Công Ty Cổ Phần VNG là một trong những công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam và là một trong những nhà phát hành sản phẩm công nghệ trực tuyến hàng đầu khu vực Đông Nam Á (theo xếp hạng của App Annie từ năm 2018 đến năm 2021).

Khởi tạo tại Việt Nam từ mảng kinh doanh trò chơi trực tuyến vào năm 2004, VNG không ngừng phát triển và mở rộng lĩnh vực kinh doanh với sứ mệnh "Kiến tạo Công nghệ và Phát triển Con người. Từ Việt Nam vươn tầm thế giới."

VNG luôn khẳng định vị thế hàng đầu, tiên phong trong các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty tham gia, đón đầu xu hướng phát triển của thị trường, tạo ra những sản phẩm và dịch vụ mang thương hiệu Việt với tiêu chuẩn quốc tế.

- ***Trò chơi trực tuyến***

Khối phát hành game tại VNG được công nhận tại nhiều hạng mục giải thưởng khác nhau. Tiêu biểu như:

**Apple Store Award vinh danh "Game of year 2021"**

**Giải vàng hạng mục Innovation và Cross Mobile Integration trong khuôn khổ giải thưởng MMA SMARTIES 2021**

**Đạt giải "Top Publisher Award" do App Annie tổ chức.**

**Ra mắt Cloud Song tại 6 quốc gia trong cùng một ngày, đạt mốc 1.7 triệu người dùng**

✓ ***Kết nối trực tuyến - Zalo***

Năm 2021, Zalo được vinh danh là Giải pháp Công nghệ Việt sáng tạo.

✓ ***Thanh toán & Tài chính - ZaloPay***

ZaloPay đã đạt nhiều giải thưởng trong năm 2021 như:

- "Sản phẩm, Giải pháp công nghệ số tiêu biểu" tại Giải thưởng chuyển đổi số Việt Nam 2021 (Vietnam Digital Award).
- Top 2 về tăng trưởng vượt trội (top improver) trong bảng xếp hạng các thương YouGov công nhận.

ZaloPay còn được cấp chứng chỉ bảo mật quốc tế cấp độ cao nhất ISO27001, cấp bởi Tổ chức chứng nhận DAS (Vương quốc Anh) sau khi vượt qua 18 tiêu chuẩn bảo mật khắt khe.

✓ ***Dịch vụ Đám mây - VNG Cloud***

Vận hành xoay quanh 5 giá trị cốt lõi, sự bền bỉ và đột phá đã giúp VNG Cloud được vinh danh tại 4 giải thưởng uy tín khác nhau trong 2021:

- VNG Cloud đạt Top 10 Sản phẩm vàng Việt Nam do "Hội sở hữu trí tuệ" trao tặng.
- Nhà cung cấp Điện toán đám mây tiêu biểu về cơ sở hạ tầng do IDG Việt Nam trao tặng.
- Nền tảng đám mây "Make in Vietnam" do Bộ thông tin và Truyền thông chứng nhận.
- vCloudcam được vinh danh trong Top 10 giải pháp số xuất sắc tại lễ trao Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số "Make in Việt Nam" năm 2021.

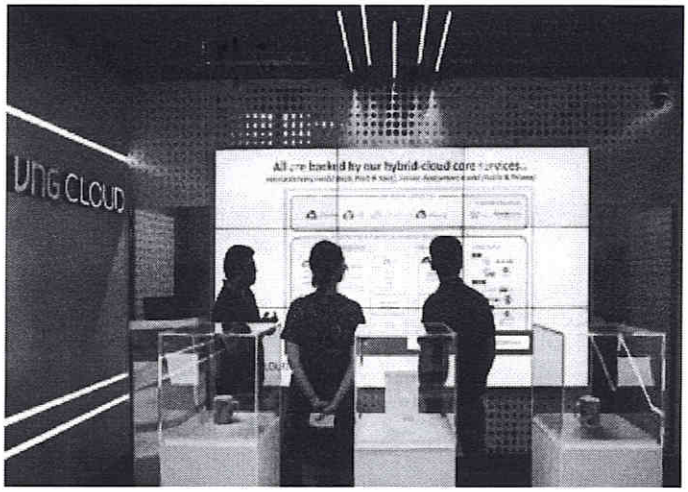


✓ ***TRUEID***

TrueID là dịch vụ cung cấp giải pháp định danh khách hàng điện tử với tốc độ nhanh chóng và độ chính xác gần như tuyệt đối. TrueID là đơn vị Việt nam duy nhất đạt chứng chỉ iBeta-2 theo tiêu chuẩn NIST Hoa Kỳ.

Sau 3 tháng ra mắt, TrueID đã liên kết với Top 10 ngân hàng thương mại tại Việt Nam với 5.000 tài khoản được đăng ký mỗi ngày, Độ chính xác vượt mức 98% và Tỷ lệ hoàn thành vượt mốc 85%.

Sau hơn 1 năm hoạt động, TrueID phục vụ cho hơn 3 triệu người dùng, đáp ứng 600.000 yêu cầu định danh mỗi tháng. Một số thành tựu của TrueID:

**116**
Nhân sự

**> 1 triệu**
khách hàng

**99% TAR; 0,1% FAR**
đối với nhận diện khuôn mặt

**600.000 yêu cầu**
định danh mỗi tháng

**99,5%**
độ chính xác đối với nhận diện giấy tờ tùy thân

➢ **Triển vọng phát triển của ngành**

✓ *Nền kinh tế số Việt Nam đang tăng trưởng hàng đầu khu vực*

Theo đánh giá của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong năm 2021, quy mô của nền kinh tế số Việt Nam ước đạt 21 tỷ USD, tăng 31% so với năm 2020. Còn theo Báo cáo "Nền kinh tế số Đông Nam Á" của Google, Temasek và Bain & Company (10/11/2021), quy mô của nền kinh tế số của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á năm 2021 tương đương với Malaysia (đứng sau Indonesia, Thái Lan), dự báo đến năm 2025 sẽ đạt 57 tỷ USD, vươn lên vị trí thứ 2 trong khu vực (chỉ sau Indonesia). Hà Nội và TP. HCM là hai trong bảy thành phố lớn phát triển nền kinh tế số của khu vực. Nhờ có nền kinh tế số mà các ngành, nghề kinh doanh trở nên sôi động. Quy mô thị trường thương mại

điện tử đạt khoảng 5 tỷ USD, trong khi du lịch trực tuyến khoảng 4 tỷ USD, truyền thông trực tuyến đạt 3 tỷ USD, gọi xe công nghệ khoảng 1 tỷ USD.

✓ *Đông Nam Á bao gồm cả Việt Nam đang bước vào "Thập kỷ Kỹ thuật số"*

Internet ngày càng trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày của mỗi người. Kể từ khi đại dịch bắt đầu, Đông Nam Á đã có thêm 60 triệu người tiêu dùng kỹ thuật số mới, trong đó 20 triệu người tham gia chỉ trong nửa đầu năm 2021. Với tác động của đại dịch, người tiêu dùng kỹ thuật số hiện tại đã chi tiêu nhiều hơn vào các dịch vụ trực tuyến, cứ 10 người dùng mới trong năm 2020 thì có 9 người tiếp tục sử dụng trong năm 2021. Riêng Việt Nam, đến nửa đầu năm 2021, đã có thêm 8 triệu người dùng kỹ thuật số mới. Trong đó, hơn một nửa đến từ các tỉnh thành nhỏ. 99% người tiêu dùng kỹ thuật số Việt Nam có ý định tiếp tục sử dụng các dịch vụ trực tuyến trong tương lai cho thấy mức độ gắn bó rất cao với các dịch vụ và sản phẩm công nghệ.

✓ *Kết nối là xu hướng chính của các ứng dụng công nghệ*

Một xu hướng nổi bật của các ứng dụng trong năm 2021 là "Kết nối". Theo công bố App Store Award 2021, những ứng dụng chiến thắng trong năm nay đã phục vụ việc tăng cường kết nối, mang mọi người đến với nhau theo những cách có ý nghĩa. Trong số 20 ứng dụng được tải xuống nhiều nhất năm tại Việt Nam, có 7 ứng dụng thuộc về các công ty trong nước, thuộc về nhiều lĩnh vực từ giải trí, Fintech đến y tế. Ngay khi Covid-19 bùng phát ở Việt Nam năm 2020, công nghệ đã tham gia tích cực trong việc cập nhật tin tức đến người dân Việt Nam và kết nối họ với những nhu cầu cấp thiết trong dịch. Những nền tảng có nhiều người sử dụng phát huy được ý nghĩa lớn trong bối cảnh phòng chống dịch bệnh. Điển hình như Zalo, hàng tháng có hơn 67 triệu người dùng (quý 4/2021), với tính năng Zalo Connect đã thực hiện hơn 100.000 lượt trợ giúp cho những người khó khăn

✓ *Thanh toán trực tuyến tăng trưởng thần tốc*

Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, trong 9 tháng đầu năm 2021, thanh toán qua Internet tăng 51,2% về số lượng và 29,1% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Đặc biệt, thanh toán qua di động tăng hơn 76% về số lượng và 88% về giá trị. Điều này cho thấy phương thức thanh toán trực tuyến đang dần trở nên phổ biến, đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. Việc hạn chế tiếp xúc và ưu tiên các yếu tố tiện lợi, an toàn đã làm tăng nhu cầu sử dụng các dịch vụ ví điện tử và A2A (tài khoản-với-tài khoản). Đến nay, người dân đã không chỉ đơn thuần dùng ứng dụng Mobile Banking hay ví điện tử để chuyển tiền, xem số dư trong tài khoản mà cho hầu hết nhu cầu mua sắm hàng ngày.

✓ *Chuyển đổi số là yếu tố "sống còn" của các doanh nghiệp*

Năm 2021, trong điều kiện dịch bệnh tiếp tục trở lại và bùng phát, mọi hoạt động về đời sống, kinh tế, xã hội đều được kích hoạt và thực hiện thông qua chuyển đổi số và kinh tế số.

Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, Việt Nam hiện có 64.000 doanh nghiệp số, các doanh nghiệp điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, công nghệ số. Doanh thu của cộng đồng này năm 2021 ước đạt trên 135 tỷ USD.

✓ *Làn sóng đầu tư công nghệ và cuộc đua lên sàn (IPO)*

Các khoản đầu tư vào nền kinh tế Internet của Đông Nam Á dự kiến sẽ đạt mức cao nhất mọi thời đại vào năm 2021. Giá trị các thương vụ đã lên tới 11,5 tỷ USD trong nửa đầu năm, vượt qua mức 11,6 tỷ USD cho cả năm 2020. Các nhà đầu tư coi Đông Nam Á là một điểm đến đầu tư sinh lợi dài hạn. Đặc biệt, các lĩnh vực như thương mại điện tử và dịch vụ tài chính số tiếp tục thu hút phần lớn các khoản đầu tư (hơn 60% giá trị thương vụ).

Đông Nam Á hiện là khu vực lớn thứ 5 thế giới về các thương vụ IPO trị giá 100 triệu USD, sau Nam Mỹ, Mỹ, Trung Quốc và Châu Âu. Theo Bloomberg, các công ty Đông Nam Á đã huy động được 4,9 tỷ USD thông qua các đợt IPO trong 6 tháng đầu năm 2021, nhiều hơn 50% so với cùng kỳ năm 2019. Số lượng IPO trong khu vực cũng đạt mức cao nhất lịch sử, dẫn đầu là Indonesia với 23 lần niêm yết.

## 13. Chính sách với người lao động

### Số lượng người lao động

Tính đến ngày ngày 14/12/2022, số lượng lao động tại Công Ty Cổ Phần VNG là 2.565 người, chi tiết như sau:

**Bảng 15: Tổng hợp số lượng và phân loại lao động**

| | Số lượng người | Tỷ lệ % |
|---|---|---|
| Trình độ trên đại học | 92 | 3,6% |
| Trình độ đại học | 2.096 | 81,7% |
| Trình độ cao đẳng | 312 | 12,2% |
| Trình độ trung cấp | 36 | 1,4% |
| Trình độ trung học phổ thông | 29 | 1,1% |
| **Tổng cộng** | **2.565** | **100%** |

*Nguồn: VNG*

### Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

VNG không ngừng cải thiện môi trường, điều kiện làm việc nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động thông qua việc xây dựng và củng cố văn hoá doanh nghiệp, tạo động lực tốt cho người lao động cống hiến, gắn bó dài lâu với Công ty:

➢ ***Chính sách đãi ngộ***

Xây dựng căn cứ trên các tiêu chí bình đẳng, minh bạch và tương xứng với kết quả và chất lượng công việc. Từ năm 2013, VNG đã thực hiện chính sách đãi ngộ mới, đảm bảo 100% người lao động biết được chế độ khen thưởng của Công ty, mức khen thưởng của mình dựa trên kết quả công việc nhằm tạo động lực, khuyến khích trực tiếp đến từng cá nhân. Hệ thống đãi ngộ VNG được phân thành 4 loại, gồm:

- ✓ Lương: lương sản xuất, kinh doanh (12 tháng); lương tháng 13 được thưởng vào dịp tết Nguyên Đán;
- ✓ Phụ cấp: phương tiện vận chuyển, chi phí điện thoại, thiết bị truy cập không dây, phụ cấp kiêm nhiệm;
- ✓ Thưởng: theo hiệu quả kinh doanh, thành tích thực hiện dự án/công việc; thưởng vào dịp thành lập Công ty;
- ✓ Phúc lợi xã hội: bảo hiểm xã hội/ y tế/ thất nghiệp, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho người lao động và người thân; khám sức khỏe định kỳ và chế độ nghỉ mát, xây dựng đội nhóm.

➢ ***Chính sách thăng tiến***

VNG luôn chú trọng đến chính sách thăng tiến nhằm tạo điều kiện cơ hội, môi trường và chế độ cho các nhân sự tiềm năng. Nhiều chính sách phục vụ cho việc thăng tiến đã được ban hành và duy trì thực hiện: chính sách quy hoạch nhân sự nòng cốt; chính sách luân chuyển lãnh đạo; chính sách bổ nhiệm, miễn nhiệm công bằng và minh bạch.

Bên cạnh đó, VNG còn xây dựng các chính sách giới thiệu thành công các vị trí nhân sự phù hợp.

➢ ***Chính sách đào tạo***

Thường xuyên tổ chức đào tạo và tái đào tạo. VNG khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi cán bộ nhân viên phát triển toàn diện về cả năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm. Điều này được thể hiện qua việc VNG có riêng một Bộ Phận Đào Tạo và Phát Triển chuyên nghiên cứu, thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn cho cán bộ và nhân viên. VNG khuyến khích các chương trình đào tạo thuê ngoài và tự đào tạo nội bộ. Cán bộ nhân viên khi tham gia các chương trình đào tạo được Công ty tài trợ toàn bộ chi phí học tập, tài liệu, đi lại và ăn ở.

Một số chương trình đào tạo chính của VNG:

- Đào tạo định hướng cho người lao động mới: 100% nhân viên mới gia nhập Công ty được tham gia khóa đào tạo định hướng, nhằm bước đầu làm quen với công việc và hiểu thêm về văn hóa tại VNG.
- Đào tạo công nghệ: Thường xuyên tổ chức đào tạo, cập nhập từng xu hướng công nghệ mới, đào tạo thi chứng chỉ của những công nghệ hàng đầu để đội ngũ công nghệ nâng cao trình độ và khả năng sáng tạo.
- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn: Chú trọng và khuyến khích nhân viên tham gia đào tạo nâng cao về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu công việc.

- Đào tạo kỹ năng bổ sung: 100% nhân viên được khuyến khích tham gia các lớp đào tạo kỹ năng mềm và ngoại ngữ để kịp thời đáp ứng xu thế phát triển và hội nhập.
- Đào tạo lực lượng cán bộ kế cận: Ưu tiên nguồn lực để đào tạo nhân sự nòng cốt trở thành lực lượng quản lý lãnh đạo kế cận, phục vụ nhu cầu phát triển của Công ty.

Trong năm 2021 và 9 tháng đầu năm 2022, mức lương/thu nhập bình quân của các CBNV VNG như sau:

**Bảng 16: Mức lương/thu nhập bình quân của người lao động giai đoạn 2021-9 tháng đầu năm 2022**

| | 2021 | 9 tháng đầu năm 2022 |
|---|---|---|
| Lương/thu nhập bình quân (đồng/tháng) | 22.300.000 | 25.400.000 |

*Nguồn: VNG*

**14. Chính sách cổ tức**

Dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư, doanh thu, tình hình tài chính, nhu cầu tiền mặt và các yếu tố liên quan khác trong từng thời điểm cụ thể, HĐQT sẽ cân nhắc đề xuất đưa ra tỷ lệ cổ tức hàng năm để ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt. Cổ tức có thể được trả bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc bằng các tài sản khác nếu có sự đồng ý của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp thanh toán bằng tiền mặt thì cổ tức được trả bằng đồng Việt Nam.

Là một doanh nghiệp đang phát triển mạnh mẽ, cần nhiều nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, cho đến nay VNG chưa thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông, đảm bảo sử dụng tối ưu nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

**15. Tình hình tài chính trong năm 2021 và 9 tháng đầu năm 2022**

**15.1 Các chỉ tiêu cơ bản**

**Vốn điều lệ**

Tính tới thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 358.442.620.000 đồng. Trong quá trình hoạt động Công ty đã thực hiện tăng vốn 16 lần (được trình bày chi tiết tại Bảng 2 Bản công bố thông tin này). Công ty cam kết sử dụng vốn đúng mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua trong từng đợt phát hành.

**Trích khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình và khấu hao TSCĐ được áp dụng theo đúng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và

các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**+ TSCĐ hữu hình**

TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao luỹ kế. Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Khấu hao TSCĐ được áp dụng nhất quán và không thay đổi theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

| | |
|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc: | 5 - 25 năm |
| Máy móc, thiết bị: | 3 - 10 năm |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: | 3 năm |
| Thiết bị văn phòng: | 3 - 10 năm |
| Tài sản khác: | 2 - 5 năm |

Trường hợp các phần của một TSCĐ hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

**+ TSCĐ vô hình**

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn luỹ kế. Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới TSCĐ vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất từng kỳ. TSCĐ vô hình của Công ty bao gồm Phần mềm, Chi phí nghiên cứu và triển khai, Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ.

**Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn khoản nợ đến hạn. Mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Đến thời điểm 31/12/2021 và 30/09/2022, Công ty không có nợ quá hạn.

**Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện đúng quy định pháp luật thuế hiện hành, nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác với Ngân sách Nhà nước. Số dư các khoản phải nộp theo pháp luật của VNG tại thời điểm 31/12/2021 và 30/09/2022 như sau:

**Bảng 17: Các khoản phải nộp theo luật định hợp nhất**

*Đơn vị: triệu đồng*

| | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 |
|---|---|---|---|
| **Phải thu** | **97.604** | **127.366** | **215.964** |
| Thuế TNDN | 16.232 | 16.821 | 16.262 |
| Thuế GTGT | 81.357 | 110.545 | 199.703 |
| Thuế TNCN | 14 | - | - |
| **Phải nộp** | **106.795** | **99.871** | **168.198** |
| Thuế TNDN | 21.790 | 15.103 | 102.752 |
| Thuế GTGT | 43.479 | 26.850 | 32.193 |
| Thuế nhà thầu nước ngoài | 36.858 | 28.238 | 17.363 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 4.668 | 29.679 | 15.891 |
| Thuế khác | 0,15 | 0,15 | 0 |

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020, 2021 của VNG và BCTC hợp nhất 9 tháng 2022*

**Bảng 18: Các khoản phải nộp theo luật định riêng lẻ**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 |
|---|---|---|---|
| **Phải thu** | **14.537** | **15.537** | **15.537** |
| Thuế TNDN | 14.537 | 15.537 | 15.537 |
| **Phải nộp** | **65.188** | **41.974** | **36.593** |
| Thuế GTGT | 36.334 | 15.657 | 19.566 |
| Thuế nhà thầu nước ngoài | 26.019 | 19.754 | 9.559 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 2.835 | 6.562 | 7.467 |

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2020, 2021 của VNG và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2022*

**Tổng dư nợ vay**

Tính đến hết 9 tháng 2022, tổng giá trị các khoản vay của VNG (hợp nhất) là hơn 433 tỷ đồng, vốn vay dài hạn. Đây là khoản vay từ ngân hàng với mục đích tài trợ phát triển dự án "Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm". Công ty mẹ VNG không có khoản vay ngắn và dài hạn.

**Bảng 19: Chi tiết các khoản vay nợ (hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Kỳ hạn trả gốc | Lãi suất (%/năm) | 31/12/2021 | 30/09/20222 |
|---|---|---|---|---|

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | Từ ngày 26/8/2023 đến 20/5/2028 | 7,4% trong 12 tháng đầu, từ tháng thứ 13 lãi suất bằng lãi suất huy động vốn cá nhân 12 tháng của MSB + biên độ 2,5 | 174.125 | 433.581 |

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 của VNG và BCTC hợp nhất 9 tháng 2022*

**Tình hình công nợ**

Chi tiết các khoản phải thu của Công ty như sau.

**Bảng 20: Các khoản phải thu**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Hợp nhất | | | Riêng lẻ | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 |
| **I. Phải thu ngắn hạn** | **1.056.519** | **1.808.648** | **1.340.487** | **1.002.665** | **1.505.586** | **920.794** |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 455.483 | 486.578 | 626.325 | 599.418 | 601.804 | 408.057 |
| *Phải thu khách hàng* | *453.293* | *481.388* | *625.974* | *315.193* | *268.947* | *145.830* |
| *CT Truyền thông Viettel - CN TĐ Công nghiệp Viễn thông Quân đội* | *107.876* | *42.747* | - | *107.876* | *42.747* | - |
| *Công ty TNHH Truyền thông WPP* | *20.968* | *36.680* | *61.155* | *20.968* | *36.680* | - |
| *CT Phát triển Dịch vụ GTGT - Chi nhánh TCT Truyền thông* | - | *5.991* | *30.900* | - | *5.991* | *30.900* |
| *TCT Viễn thông Viettel - CN TĐ Công nghiệp Viễn thông Quân đội* | - | - | *24.262* | - | - | *24.120* |
| *Trung tâm Dịch vụ số Mobifone - CN TCT Viễn thông Mobifone* | - | *19.200* | *21.465* | - | *19.200* | *21.465* |
| *Phải thu khách hàng khác* | *324.449* | *376.770* | *488.192* | *186.349* | *164.329* | *69.346* |
| *Phải thu bên liên quan* | *2.190* | *5.190* | *351* | *284.225* | *332.857* | *262.226* |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 82.054 | 312.855 | 214.534 | 4.553 | 10.479 | 151.175 |

| Chỉ tiêu | Hợp nhất | | | Riêng lẻ | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 |
| *Trả trước cho người bán* | *81.164* | *311.440* | *214.534* | *4.553* | *10.479* | *35.251* |
| *Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong* | - | *120.907* | - | - | - | - |
| *Tạp chí Điện tử Tri thức Trực tuyến* | *32.372* | *67.395* | *61.395* | - | - | - |
| *Recess Company Limited* | *9.974* | *19.132* | - | - | - | - |
| *Công ty TNHH Giải trí DV* | - | *2.940* | - | - | *2.940* | - |
| *Công ty TNHH MTV Sự kiện Sunrise Việt Nam* | - | *2.657* | - | - | *2.657* | - |
| *Công ty TNHH Quốc tế Hoàng Việt* | - | - | *16.207* | - | - | *16.207* |
| *Công ty CP DV Oto Hàng Xanh* | - | - | *4.700* | - | - | *4.700* |
| *Trả trước cho người bán khác* | *38.818* | *98.409* | *132.232* | *4.553* | *4.882* | *14.344* |
| *Trả trước cho bên liên quan* | *890* | *1.415* | - | - | - | *115.924* |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 27.828 | - | - | 27.828 | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 492.753 | 1.011.276 | 503.870 | 371.890 | 894.678 | 365.074 |
| *Hợp tác đầu tư* | - | - | *335.358* | - | - | *335.358* |
| *Đặt cọc mua cổ phần* | - | *509.963* | - | - | *509.963* | - |
| *Đặt cọc mua lại cổ phiếu đã phát hành (*)* | *330.730* | *335.358* | - | *330.730* | *335.358* | - |
| *Phải thu ngân hàng - dịch vụ trung gian thanh toán* | *42.898* | *66.637* | *79.278* | - | - | - |
| *Chi hộ* | - | - | - | *2.860* | *24.246* | *3.744* |
| *Tiền lãi phải thu* | *77.719* | *59.309* | *26.301* | *16.463* | *12.727* | *1.298* |
| *Tạm ứng cho nhân viên* | *17.164* | *18.423* | *33.617* | *17.064* | *10.585* | *17.001* |
| *Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh* | *9.909* | *11.327* | *15.016* | *779* | *660* | *3.952* |
| *Khác* | *14.332* | *10.260* | *14.300* | *3.994* | *1.140* | *3.719* |

| Chỉ tiêu | Hợp nhất | | | Riêng lẻ | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (1.599) | (2.061) | (4.243) | (1.024) | (1.375) | (3.510) |
| **II. Các khoản phải thu dài hạn** | **13.899** | **16.625** | **13.801** | **6.680** | **6.626** | **4.535** |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 485 | - | - | 485 | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 13.414 | 16.625 | 13.801 | 6.195 | 6.626 | 4.535 |

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2020, 2021 của VNG và BCTC riêng lẻ và hợp nhất 9 tháng 2022*

*(*) Số tiền này thể hiện khoản đặt cọc cho các cổ đông đã đăng ký bán lại cổ phần theo các hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần. Đến ngày 30/9/2022, các hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần và quyền mua cổ phần tương ứng này đã được chuyển giao cho bên thứ ba.*

**Bảng 21: Các khoản phải trả**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Hợp nhất | | | Riêng lẻ | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **1.554.638** | **2.375.456** | **2.671.494** | **1.090.917** | **1.693.642** | **2.107.732** |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 338.776 | 782.294 | 412.006 | 450.451 | 1.025.125 | 1.081.852 |
| *Phải trả người bán* | *330.623* | *755.738* | *411.784* | *208.455* | *578.998* | *182.058* |
| *Seasun Games Corporation Limited* | *5.324* | *228.887* | *38.325* | *5.324* | *228.887* | *38.325* |
| *Proxima Beta Pte Limited* | *89.212* | *203.989* | *104.403* | *89.212* | *203.989* | *88.162* |
| *Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong* | - | *10.049* | *112.966* | *3.782* | - | - |
| *Phải trả người bán khác* | *236.087* | *312.813* | *156.090* | *110.138* | *146.123* | *55.571* |
| *Phải trả bên liên quan* | *8.153* | *26.556* | *222* | *241.996* | *446.126* | *899.794* |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 27.912 | 32.298 | 32.726 | 4.600 | 3.353 | 2.554 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 106.795 | 99.871 | 168.198 | 65.188 | 41.974 | 36.593 |
| Phải trả người lao động | 6.667 | 9.500 | 5.883 | - | - | 11 |

| Chỉ tiêu | Hợp nhất | | | Riêng lẻ | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 829.368 | 956.593 | 1.353.299 | 507.370 | 526.552 | 893.903 |
| *Phí bản quyền phần mềm* | *424.652* | *407.184* | *647.215* | *269.065* | *221.142* | *466.675* |
| *Chi phí lương* | *263.903* | *364.329* | *325.373* | *158.633* | *212.098* | *177.694* |
| *Chi phí dịch vụ trực tuyến* | - | - | - | - | - | *29.852* |
| *Chi phí quảng cáo* | *89.790* | *128.768* | *225.688* | *51.636* | *51.948* | *127.809* |
| *Mua tài sản cố định* | *17.714* | *9.732* | *16.769* | *12.687* | *9.732* | *13.421* |
| *Chi phí dịch vụ tư vấn/ Chi phí dịch vụ mua ngoài* | *3.678* | *8.916* | *51.181* | - | | *20.861* |
| *Chi phí cước đường truyền* | - | - | - | - | | *8.892* |
| *Doanh thu phân chia* | *1.429* | *555* | - | - | - | - |
| *Chi phí phải trả khác* | *28.202* | *37.110* | *68.209* | *15.350* | *31.632* | *48.700* |
| *Phí ngân hàng* | - | - | *18.864* | | | |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 39.367 | 55.304 | 80.921 | 34.739 | 21.511 | 19.913 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 205.753 | 439.596 | 596.782 | 28.569 | 75.128 | 72.906 |
| *Thu hộ* | *160.861* | *345.534* | *505.099* | - | - | - |
| *Thuế nhà thầu nước ngoài* | *12.421* | *54.991* | *16.448* | *9.092* | *54.991* | *16.206* |
| *Đặt cọc mua cổ phần* | *13.073* | *11.642* | *21.555* | *13.073* | *11.522* | *21.505* |
| *Kinh phí công đoàn* | *14.898* | *19.568* | *20.379* | *4.849* | *5.326* | *8.274* |
| *Khác* | *4.501* | *7.860* | *33.302* | *1.555* | *3.289* | *26.921* |
| Vay ngắn hạn | - | - | 21.679 | - | - | - |
| **II. Nợ dài hạn** | **182.662** | **538.493** | **939.023** | **11.102** | **12.560** | **13.062** |
| Phải trả dài hạn khác | 193 | 217 | 241 | 559 | 583 | 494 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | - | 174.125 | 411.902 | - | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 171.926 | 352.174 | 514.312 | - | - | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 10.543 | 11.977 | 12.567 | 10.543 | 11.977 | 12.567 |

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2020, 2021 của VNG và BCTC riêng lẻ và hợp nhất 9 tháng 2022*

### 15.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính**

| Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2020 | | Năm 2021 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Hợp nhất | Riêng lẻ | Hợp nhất | Riêng lẻ |
| **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 3,91 | 1,93 | 3,06 | 1,53 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 3,83 | 1,91 | 3,01 | 1,52 |
| **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | | | | |
| Nợ/Tổng tài sản | % | 22,12% | 23,65% | 31,55% | 37,40% |
| Nợ/vốn chủ sở hữu | % | 28,40% | 30,97% | 46,08% | 59,75% |
| **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** | | | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 27,32 | 157,63 | 34,74 | 224,56 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | Vòng | 0,82 | 0,79 | 0,90 | 1,16 |
| **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 3,31% | 5,17% | n/a | n/a |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 3,48% | 4,18% | n/a | n/a |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 2,70% | 3,14% | n/a | n/a |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 3,31% | 4,42% | 3,43% | n/a |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS) (*) | Đồng | 17.884 | 7.356 | 15.949 | n/a |

*Nguồn: VNG*

*Lưu ý: Do lợi nhuận sau thuế hợp nhất và riêng lẻ năm 2021 và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2021 của Công ty âm do vậy các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2021 không được tính.*

*(*) Thu nhập trên cổ phần được tính trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty sau khi loại bỏ lợi ích của cổ đông không kiểm soát.*

## 16. Tài sản

**Bảng 23: Giá trị tài sản cố định (hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Năm 2021 | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **TSCĐ hữu hình** | **1.906.585** | **(1.067.282)** | **839.303** | **2.079.097** | **(1.189.814)** | **889.283** |
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 671.384 | (84.131) | 587.253 | 672.431 | (107.869) | 564.562 |
| Máy móc và thiết bị | 1.015.836 | (832.819) | 183.017 | 1.152.051 | (898.315) | 253.736 |
| Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn | 27.013 | (16.007) | 11.006 | 41.761 | (20.996) | 20.765 |
| Thiết bị văn phòng | 133.960 | (90.551) | 43.409 | 154.593 | (107.230) | 47.363 |
| TSCĐ hữu hình khác | 58.392 | (43.774) | 14.618 | 58.261 | (55.404) | 2.857 |
| **TSCĐ vô hình** | **776.610** | **(570.788)** | **205.822** | **944.989** | **(665.242)** | **279.747** |
| Phần mềm | 738.733 | (533.552) | 205.180 | 905.812 | (627.353) | 278.459 |
| Khác | 37.877 | (37.235) | 642 | 39.177 | (37.889) | 1.288 |
| **Tổng cộng** | **2.683.195** | **(1.638.070)** | **1.045.125** | **3.024.086** | **(1.855.056)** | **1.169.030** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC hợp nhất 9 tháng 2022 của VNG*

**Bảng 24: Giá trị tài sản cố định (riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| | 31/12/2021 | | | 30/09/2022 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
| **TSCĐ hữu hình** | **897.805** | **(245.422)** | **652.383** | **932.359** | **(300.979)** | **631.380** |
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 657.061 | (70.463) | 586.598 | 657.062 | (93.866) | 563.196 |
| Máy móc và thiết bị | 35.744 | (35.636) | 108 | 35.745 | (35.734) | 11 |
| Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn | 25.557 | (14.551) | 11.006 | 40.304 | (19.540) | 20.764 |
| Thiết bị văn phòng | 123.257 | (83.204) | 40.053 | 143.193 | (98.641) | 44.552 |
| TSCĐ hữu hình khác | 56.186 | (41.568) | 14.618 | 56.055 | (53.198) | 2.857 |
| **TSCĐ vô hình** | **618.816** | **(530.754)** | **88.062** | **702.985** | **(575.890)** | **127.095** |
| Phần mềm | 616.479 | (528.417) | 88.062 | 698.648 | (572.841) | 125.807 |
| Khác | 2.337 | (2.337) | - | 4.337 | (3.049) | 1.288 |
| **Tổng cộng** | **1.516.621** | **(776.176)** | **740.445** | **1.635.344** | **(876.869)** | **758.475** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2022 của VNG*

**Bảng 25: Danh mục các tài sản lớn tại 31/12/2021 và 30/09/2022**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Tên tài sản | 31/12/2021 | | 30/09/2022 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
| 1 | Phí bản quyền game | 738.733 | 205.180 | 905.812 | 278.459 |
| 2 | Tòa nhà VNG Campus | 657.061 | 586.598 | 657.061 | 563.196 |
| 3 | Chi phí trả trước của hợp đồng thi công nội thất VNG Campus | 26.219 | 7.997 | 26.219 | 1.461 |
| 4 | Hệ thống NetApp | 12.083 | - | 12.083 | - |
| 5 | Hệ thống NetApp FAS 6280 & FAS 6240 | 9.786 | - | 9.786 | - |
| 6 | Thiết bị Mini DC tại Campus | 8.628 | 2.395 | 8.628 | 244 |
| 7 | VMWare Unlimited Enterprise License | 7.350 | - | 7.350 | - |
| 8 | Hệ thống wifi | 7.062 | 1.312 | 7.062 | 255 |
| 9 | Zing Me Platform | 7.000 | - | 7.000 | - |
| 10 | Phần mềm Hyperion Planning | 4.506 | - | 4.506 | - |

**17. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức (hợp nhất)**

**Bảng 26: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức (hợp nhất)**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Kế hoạch 2022 | % tăng giảm 2022 so với 2021 |
|---|---|---|---|
| Doanh thu thuần | 7.649 | 10.178 | 33,06% |
| Lợi nhuận sau thuế | (72) | (993) | n/a |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | n/a | n/a | n/a |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | n/a | n/a | n/a |
| Tỷ lệ cổ tức/VĐL | n/a | n/a | n/a |

*Nguồn: VNG*

*Lưu ý: Do lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Công ty âm do vậy Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân không được tính. Công ty không chia cổ tức các năm 2021, kế hoạch 2022 do đó tỷ lệ cổ tức/VĐL không được tính.*

Căn cứ Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2022.

**Kế hoạch chào bán riêng lẻ cổ phiếu quỹ**

Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần VNG đã thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản số 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/12/2022. Theo đó, 7.108.262 cổ phiếu quỹ của Công ty dự kiến được chào bán riêng lẻ cho Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Big V với giá chào bán là 177.881 đồng/cổ phiếu.

**Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nêu trên**

Kế hoạch kinh doanh của VNG được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi. VNG đặt kế hoạch 2022 với doanh thu tăng gần 33,06% thực hiện của năm 2021 dựa trên các cơ sở sau: (1) kỳ vọng phát triển của nền kinh tế số Việt Nam; (2) kế hoạch phát triển mảng Trò chơi trực tuyến để tiếp tục giữ vững vị thế ở thị trường Việt Nam và mở rộng ra các thị trường nước ngoài (3) định hướng phát triển đa dạng hóa, đầu tư vào các sản phẩm khác để tham gia vào làn sóng công nghệ tiếp theo. VNG ước tính năm 2022 dự kiến lỗ 993 tỷ đồng dựa trên các cơ sở sau: (1) tiếp tục đầu tư cho mảng Thanh toán & Tài chính với sản phẩm chủ lực là ZaloPay; và (2) đẩy mạnh đầu tư chi phí marketing cho hoạt động phát hành trò chơi tại các thị trường nước ngoài để gây dựng thương hiệu và mở rộng tập khách hàng.

**18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của VNG**

***Cam kết thuê hoạt động***

VNG hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

**Bảng 27: Cam kết thuê hoạt động**

*Đơn vị: triệu đồng*

| | Hợp nhất | | | Riêng lẻ | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 |
| Đến 1 năm | 47.105 | 52.306 | 45.713 | 19.482 | 28.437 | 35.259 |
| Từ 1 đến 5 năm | 66.174 | 60.319 | 38.857 | 41.689 | 35.989 | 42.650 |
| **Tổng cộng** | **113.279** | **112.625** | **84.570** | **61.170** | **64.426** | **77.909** |

*Nguồn: VNG*

***Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Tại các ngày kết thúc kỳ kế toán, VNG có các cam kết liên quan đến việc thi công công trình, mua phí bản quyền trò chơi, mua sắm máy móc thiết bị và các cam kết khác được thể hiện như sau:

**Bảng 28: Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chi phí | Hợp nhất | | | Riêng lẻ | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/09/2022 |
| Dự án Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm | 44.411 | 654.794 | 198.957 | - | - | - |
| Phí đảm bảo tối thiểu | 55.184 | 140.735 | 94.668 | 25.347 | 23.159 | 60.415 |
| Phí bản quyền trò chơi | 93.799 | 177.386 | 87.030 | 41.459 | 28.282 | 61.370 |
| Máy móc | 6.536 | - | 56.316 | 6.536 | | |
| Khác | 20 | | | 20 | | |
| **Tổng cộng** | 199.950 | **972.916** | **436.971** | **73.362** | **51.441** | **121.785** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2021 của VNG*

## 19. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

➢ ***Định hướng chiến lược kinh doanh***

✓ *Trò chơi trực tuyến*

- Đầu tư vào các Game Studio ở các thị trường như Thái Lan, Indonesia, Philippines, Malaysia, Đài Loan…v.v
- ZingPlay Game Studios (ZPS) sẽ phát hành ở những thị trường hoàn toàn mới.
- Tiếp tục đầu tư vào các studio như MPS và ZPS để có các sản phẩm toàn cầu.

✓ *Nền tảng kết nối*

- Định hướng Zalo là nền tảng tích hợp đa dịch vụ để trở thành một sản phẩm thiết yếu.
- Đi vào làn sóng mới, cung cấp các dịch vụ lõi như: truyền thông, nhắn tin - liên lạc, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, dịch vụ đám mây Zalo… (nền tảng như một dịch vụ) cho các đối tác bên ngoài sử dụng và hướng đến khách hàng doanh nghiệp.
- Xây dựng khối media của ZA thành hệ sinh thái mạnh mẽ với các sản phẩm chủ lực như Zing MP3, Báo Mới…v.v
- Trở thành công ty công nghệ nội dung, dùng data và AI làm cốt lõi.

✓ *Thanh toán và Tài chính*

- Định hướng ZaloPay trở thành ví điện tử thông dụng và không thể thiếu trong đời sống người Việt.
- Đầu tư vào đội ngũ làm sản phẩm, đào tạo nhân tài cho VNG nói riêng và Việt Nam nói chung. Phát triển Công nghệ để hỗ trợ cho sự phát triển của kinh doanh.

✓ *Dịch vụ đám mây*

- Định hướng VNG CLOUD trở thành nhà cung cấp dịch vụ đám mây tiêu chuẩn quốc tế, không chỉ tạo ra các nền tảng và sản phẩm công nghệ mà còn tập trung phát triển và xây dựng các giải pháp công nghệ, góp phần giải quyết các vấn đề trong chuyển đổi số.

➢ ***Định hướng chiến lược đầu tư***

Sau 18 năm hoạt động trong ngành công nghệ Việt Nam, VNG xác định sứ mệnh của mình không chỉ là tập trung phát triển bản thân Công ty, mà còn phải giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp khác của Việt Nam có thể phát triển và lớn mạnh, hình thành nên một hệ sinh thái các công ty công nghệ trong nước. Từ giữa năm 2020, VNG bắt đầu đẩy mạnh chiến lược tìm kiếm các công ty khởi nghiệp trong nước để đầu tư và đồng hành lâu dài, tiêu biểu như các hợp tác đầu tư của VNG với EcoTruck, Got It, Telio.

➢ ***Định hướng chiến lược về văn hoá quản trị và đào tạo nhân sự***

Định hướng VNG trở thành nơi làm việc tốt nhất tại Việt Nam để mọi người cùng nhau học tập, làm việc và trưởng thành.

✓ *Văn hoá quản trị*

- "Starter"

  Tại VNG, các thành viên được gọi là Starter. VNG dù với vị thế công ty công nghệ hàng đầu vẫn luôn mong muốn duy trì tinh thần khởi nghiệp, đón nhận công việc như những thách thức mới, mỗi ngày là một cuộc phiêu lưu, và những Starter là "người mở đường" thực thụ.

- Trao quyền

  Chiến lược phát triển con người của VNG được thể hiện ngay trong cách thức tổ chức doanh nghiệp: cấp dưới được ra quyết định nhiều hơn. Chúng tôi tin rằng, việc trao quyền cho nhân viên là cực kỳ quan trọng, giúp cho mỗi người đều được lao động và sáng tạo đúng với vị trí của mình và giúp cả tập thể kết nối mà không bị gò bó bởi sự kiểm soát.

- Học hỏi

  "Không ngừng học hỏi" là điều mà VNG luôn động viên các Starters: Học hỏi từ trong những dự án đầy thách thức, từ đồng nghiệp, từ sách vở, đồng thời từ rất nhiều những chương trình đào tạo cả chuyên môn và kỹ năng mềm mà VNG xây dựng.

✓ *Gắn kết và đào tạo nhân sự*

- Phát triển con người là chiến lược chính và lâu dài mà VNG luôn theo đuổi, thể hiện qua các định hướng và hoạt động.
- Thường xuyên truyền thông về tầm nhìn và sứ mệnh VNG để Starter thấy được tính kết nối với chính con đường mà họ đang theo đuổi. VNG là một tập thể giàu năng lượng và luôn sẵn sàng. Họ tò mò, khao khát học hỏi cũng như phát triển bản thân trong công ty.
- Tập trung thu hút và giữ chân người tài, tạo ra những giá trị khác biệt với các doanh nghiệp trên thị trường: xây dựng môi trường lý tưởng, lộ trình học tập cụ thể với từng cá nhân thông qua sự cân đối giữa hiệu suất làm việc với sự phát triển về thể chất, tinh thần.

- Chương trình Định vị giá trị nhân viên (Employee Value Proposition – EVP) được triển khai cho sinh viên Công nghệ thông tin để họ có cơ hội học tập và làm việc ngay từ những năm đầu sự nghiệp. Ngoài ra, trụ sở tiêu chuẩn quốc tế của VNG đặt tại Quận 7, TP.HCM rộng hơn 54,000 m2 cũng là nỗ lực của VNG nhằm biến nơi làm việc thành "mái nhà lớn" đúng nghĩa cùng chính sách phúc lợi rất cạnh tranh so với thị trường nhân sự hiện tại.
- Các dự án Trách nhiệm Cộng đồng được đầu tư, trong đó Starter có thể vừa tham gia hoạt động giải trí vừa đóng góp giá trị cho cộng đồng. Điều này giúp cho sự trưởng thành và phát triển của mỗi cá nhân không chỉ giới hạn trong phạm vi một tổ chức mà còn trong phạm vi cộng đồng mà họ gắn bó.

✓ *Thu hút nhân tài*

VNG dành nhiều nguồn lực đào tạo chuyên môn và khả năng lãnh đạo cho các bạn trẻ với niềm tin rằng việc được huấn luyện và hướng dẫn tốt ngay từ đầu sẽ giúp các bạn phát triển đúng hướng. Một số "trụ cột" được VNG tập trung đầu tư rất mạnh nhằm giữ chân và thu hút nhân tài:

- Trở thành đối tác với các trường Đại học để tiếp cận với các ứng viên tài năng. VNG thường xuyên trao đổi với nhóm chuyên gia trong nước, nước ngoài về các công nghệ mới như Trí tuệ nhân tạo AI, Dữ liệu lớn Big Data,… và chia sẻ với họ về bức tranh kinh tế tại Việt Nam với kỳ vọng giúp họ nhận ra tiềm năng của họ tại chính quê nhà.
- Thiết kế những chính sách hỗ trợ đặc biệt, phù hợp với một số nhóm lao động đặc thù.
- Tập trung đào tạo kỹ năng quản lý, trao cơ hội và quyền quyết định cho các thành viên, đặc biệt là khi VNG "chinh chiến" tại các thị trường mới bên ngoài Việt Nam.
- Tạo ra một trải nghiệm khác biệt cho từng người lao động, để họ không chỉ làm việc mà còn cảm nhận được tình cảm của một gia đình lớn, được chia sẻ tầm nhìn và khát khao với các thành viên trong đại gia đình đó.

## 20. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Các tranh chấp kiện tụng của Công ty hầu hết là tranh chấp về bản quyền phát sinh trong quá trình vận hành sản phẩm, các vụ tranh chấp không ảnh hưởng đến quá trình hoạt động kinh doanh của VNG. Các thông tin cơ bản về các tranh chấp kiện tụng của Công ty như sau:

**Bảng 29: Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty**

| STT | Vai trò của VNG | Bên có tranh chấp | Loại tranh chấp | Nội dung tranh chấp | Năm khởi kiện | Cơ quan giải quyết | Tình trạng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bị đơn | Trung Tâm Bảo Vệ Quyền Tác Giả Âm Nhạc Việt Nam (VCPMC) | Tranh chấp vi phạm bản quyền | VCPMC khởi kiện VNG về việc vi phạm bản quyền 15.000 bản nhạc của các tác giả thuộc quyền quản lý của VCPMC trên zingmp3.vn và ứng dụng ZingMP3. Yêu cầu ngừng sử dụng và gỡ bỏ các tác phẩm này, đồng thời xin lỗi công khai trên báo chí. Sau đó, VNG có yêu cầu phản tố đối với VCPMC. | 2021 | Tòa án nhân dân TPHCM | Hai Bên đã hòa giải tiền tố tụng thành công, theo đó:<br>VNG rút đơn yêu cầu phản tố ngày 16/11/2022<br>VCPMC rút đơn khởi kiện ngày 17/11/2022<br>Hai bên ký tiếp thỏa thuận hợp tác và chấm dứt tranh chấp. |
| 2 | Nguyên đơn | Công Ty Cổ Phần Truyền Thông Hexa | Tranh chấp thực hiện hợp đồng dịch vụ | VNG khởi kiện Hexa do vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng dịch vụ ký giữa hai bên, và yêu cầu Hexa:<br>- Hoàn trả cho VNG số tiền thanh toán đợt 1 là 165.000.000 đồng.<br>- Phạt vi phạm hợp đồng: 26.400.000 đồng.<br>- Bồi thường thiệt hại thực tế: 330.000.000 đồng | 2021 | Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam ("VIAC") | Đang thi hành án theo Quyết định số 1115/VIAC-HCM ngày 15/06/2022, theo đó Hexa phải bồi thường cho VNG tổng số tiền là 232.500.000 đồng. |
| 3 | Nguyên đơn | Công Ty TNHH Bình Hạnh Đan ("BHD") | Tranh chấp thực hiện hợp đồng quảng cáo | VNG khởi kiện BHD vi phạm nghĩa vụ thanh toán dịch vụ quảng cáo, theo đó yêu cầu BHD thanh toán khoản nợ gốc là 694.599.741 đồng và tiền lãi chậm thanh toán trên nợ gốc là 161.939.961 đồng.<br>Sau đó, BHD có yêu cầu phản tố đối với việc VNG vi phạm bản quyền đối với một số phim mà BHD có bản quyền, và yêu cầu bồi thương tổng số tiền là 1.494.612.000 đồng | 2021 | Tòa án nhân dân Quận 7 - TP HCM<br><br>Tòa án Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh | Vụ án đang trong quá trình xét xử sơ thẩm, hiện Tòa Quận 7 đã chuyển lên Tòa án Nhân dân Tp. HCM để tiếp tục xử lý theo đúng thẩm quyền. |
| 4 | Nguyên đơn | TikTok Inc. | Tranh chấp vi phạm | VNG khởi kiện TikTok vì nhiều bản ghi mà VNG là chủ thể của quyền liên quan bị truyền đạt tới công chúng trên | 2020 | Toà án nhân dân | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | bản quyền | nền tảng TikTok mà không có sự đồng ý của VNG, và yêu cầu TikTok:<br>- Chấm dứt hành vi vi phạm;<br>- Xin lỗi công khai;<br>- Bồi thường thiệt hại cho VNG số tiền: 221.514.420.000 đồng. | | cấp cao tại TPHCM | Tòa sơ phẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của VNG theo bản án số 1321/2022/KDTM-ST<br>Không đồng ý với bản án sơ thẩm, VNG đã tiến hành kháng cáo ngày 15/09/2022 |
| 5 | Nguyên đơn | Công Ty Cổ Phần Truyền Thông & Giải Trí Hồng Ân | Tranh chấp thực hiện hợp đồng độc quyền khai thác sản phẩm âm nhạc 42/TB-TLVA | VNG kiện Hồng Ân vi phạm thỏa thuận độc quyền sử dụng và khai thác bản ghi đã ký kết giữa Hồng Ân và VNG, yêu cầu Hồng Ân thực hiện đúng theo nội dung hợp đồng và phụ lục đồng đã ký kết, đồng thời hoàn trả toàn bội Gói tài trợ 550.000.000 đồng cho VNG.<br>Sau đó, Hồng Ân có đơn phản tố đề nghị Zing phải đối soát phân chia doanh thu cho Hồng Ân vì đã khai thác bản ghi trên zingmp3. | 2020 | Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm - TP Hà Nội | Ngày 28/10/2021 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội đã quyết định:<br>- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – VNG, buộc Hồng Ân phải thực hiện đúng theo Hợp đồng và hoàn trả gói tài trợ quảng bá tương ứng 550.000.000 đồng cho VNG.<br>- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc VNG thực hiện đối soát và thanh toán chia sẻ doanh thu bản ghi khai thác cho Hồng Ân.<br>Không đồng ý, ngày 09/11/2021 Công ty Hồng Ân có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.<br>Ngày 12/11/2021, Tóa án nhân dân Tp. Hà Nội xét xử phúc thẩm và tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm kinh doanh thương mại.<br>Vụ án hiện đang trong giai đoạn thi hành án. |
| 6 | Bị đơn | Công Ty Cổ Phần Truyền Thông & Giải Trí Hồng Ân | Tranh chấp vi phạm bản quyền 25/TB-TLVA | Hồng Ân khởi kiện VNG vi phạm bản quyền đối với các bản ghi mà tác giả đã chuyển giao quyền sở hữu cho Hồng Ân trên ZingMP3<br>Sau đó, VNG có yêu cầu phản tố cho rằng Hồng Ân đã vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết và yêu cầu thanh toán số tiền 75.900.000 đồng. | 2020 | Tòa án nhân dân TP HCM | Đã hòa giải sơ thẩm thành công, theo đó:<br>- Hai bên ký kết thỏa thuận hợp tác, thanh toán các chi phí phát sinh theo thỏa thuận.<br>- Hồng Ân rút đơn khởi kiện và VNG rút đơn phản tố. |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Nguyên đơn | Công Ty Cổ Phần NCT | Tranh chấp vi phạm bản quyền | VNG khởi kiện NCT vi phạm bản quyền đối với các bản ghi mà VNG có quyền liên quan bị truyền đạt tới công chúng thông qua nền tảng NhacCuaTui mà không có sự đồng ý của VNG và yêu cầu bồi thường 109.848.676.250 đồng.<br>Sau đó, NCT có đơn phản tố cho rằng VNG vi phạm đối với các bản ghi mà NCT có quyền, và yêu cầu bồi thường 68.672.628.645 đồng. | 2019 | Tòa án nhân dân TP HCM | Tòa án đang xem xét hồ sơ, tài liệu các bên cung cấp ở giai đoạn sơ thẩm |
| 8 | Bị đơn | Công Ty Cổ Phần Truyền Thông TK-L | Tranh chấp vi phạm bản quyền 58/TB-TLVA | TK-L khởi kiện VNG vi phạm bản quyền đối với 3 tác phẩm điện ảnh mà TK-L là đơn vị độc quyền khai thác trên truyền hình và các nền tảng kỹ thuật số đa phương tiện tại Việt Nam và yêu cầu bồi thường. | 2019 | Tòa án nhân dân TP HCM | Tòa sơ thẩm đang xem xét các hồ sơ, tài liệu, chứng cứ mà các bên cung cấp |
| 9 | Bị đơn | Công Ty Cổ Phần Truyền Thông TK-L | Tranh chấp vi phạm bản quyền 43/TB-TLVA | TK-L khởi kiện VNG vi phạm bản quyền đối các tập phim của 3 bộ phim mà TK-L là đơn vị độc quyền khai thác trên truyền hình và các nền tảng kỹ thuật số đa phương tiện tại Việt Nam và yêu cầu bồi thường. | 2019 | Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh<br><br>Toà án nhân dân cấp cao tại TPHCM | Ngày 29/9/2022 Tòa án Nhân dân Tp. HCM xét xử sơ thẩm, theo đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc VNG phải bồi thường số tiền: 14.342.262.300 đồng, yêu cầu VNG xin lỗi cải chính công khai.<br>Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 9/11/2022, VNG đã có đơn kháng cáo, hiện vụ việc đang được tiếp nhận và xử lý phúc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. HCM. |
| 10 | Bị đơn | Công Ty Cổ Phần Truyền Thông TK-L | Tranh chấp vi phạm bản quyền | TK-L khởi kiện VNG vi phạm bản quyền đối các tập phim của bộ phim "Chiếc lá cuốn bay" mà TK-L là đơn vị độc quyền khai thác trên truyền hình và các nền tảng kỹ thuật số đa | 2019 | Tòa án Nhân dân Tp. HCM<br><br>Toà án nhân dân | Bản án sơ thẩm số 1585/2022/KDTM-ST ngày 15/9/2022 tuyên:<br>- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc VNG bồi thường |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 165/TB-TLVA | phương tiện tại Việt Nam và yêu cầu bồi thường.<br>Sau đó, VNG có đơn phản tố đối với việc vi phạm nghĩa vụ tống đạt tài liệu của vụ kiện cho VNG của TK-L. | | cấp cao tại TPHCM | cho TK-L số tiền 829.480.000 đồng, xin lỗi cải chính công khai.<br>- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của VNG.<br>Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 28/9/2022 VNG đã thực hiện việc kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tp. HCM |
| 11 | Bị đơn | Lang Van Inc | Tranh chấp vi phạm bản quyền | Lang Van Inc kiện VNG vi phạm bản quyền đối với các bản ghi của Làng Văn trong giai đoạn từ 2011 đến 2014 và yêu cầu bồi thường cho vi phạm này. | 2014 | California Central District Court, USA | Ngày 08/10/2014, California District đã ra phán quyết bác yêu cầu khởi kiện của Làng Văn vì xác định Tòa không có thẩm quyền giải quyết vụ kiện.<br>Ngày 06/11/2014 Làng Văn kháng cáo.<br>Ngày 11/10/2016, Tòa phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, trả vụ việc về tòa sơ thẩm để tiến hành discovery và xét xử lại.<br>Ngày 21/11/2019, Tòa sơ thẩm California một lần nữa bác yêu cầu khởi kiện của Làng Văn vì xác định Tòa không có thẩm quyền xét xử đối với vụ kiện.<br>Ngày 22/12/2019, Làng Văn tiếp tục kháng cáo lên 9 Circuit Court.<br>Ngày 21/07/2022, Hội đồng gồm 3 thẩm phán của 9 Circuit Court hủy án bản án sơ thẩm, xác định tòa án Mỹ có thẩm quyền xét xử vụ án, và đưa vụ việc về tòa sơ thẩm để xét xử nội dung.<br>VNG đang tiến hành thủ tục khiếu nại kết quả phúc thẩm lên Supreme court. |

*Nguồn: VNG (cập nhật đến ngày 14/12/2022)*

## II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội Đồng Quản Trị

| STT | Tên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1 | Lê Hồng Minh | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Vương Quang Khải | Thành viên HĐQT |
| 3 | Christina Gaw | Thành viên độc lập HĐQT |
| 4 | Edphawin Jetjirawat | Thành viên độc lập HĐQT |
| 5 | Võ Sỹ Nhân | Thành viên độc lập HĐQT |
| 6 | Nguyễn Lê Quốc Anh | Thành viên độc lập HĐQT |

#### *1.1. Ông Lê Hồng Minh - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc*

| | | |
|---|---|---|
| Họ tên | : | Lê Hồng Minh |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : | 27/09/1977 |
| Nơi sinh | : | Hà Nội |
| Số CMND/CCCD | : | 001077042093 |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Quê quán | : | Đà Nẵng |
| Địa chỉ thường trú | : | B1-27, Lô S8 Khu Chateau, Phường Tân Phú, Quận 7, TPHCM |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân |
| Quá trình công tác (thời gian, đơn vị công tác, chức vụ) | : | Từ 2004 đến hiện tại: Công ty cổ phần VNG - Người sáng lập, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty | : | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | + Chủ Tịch HĐQT kiêm Giám Đốc/ Người Đại Diện Theo Pháp Luật tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ - Dữ Liệu Công Nghệ Thông Tin Vi Na; |

| | | |
|---|---|---|
| | | + Chủ Tịch HĐQT và Người Đại Diện Theo Pháp Luật tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Mạng Vi Na;<br>+ Thành viên HĐQT tại Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EPI;<br>+ Chủ Tịch Công Ty và Người Đại Diện Theo Pháp Luật tại Công Ty TNHH Verichains;<br>+ Giám Đốc tại Công ty VNG SINGAPORE PTE. LTD;<br>+ Giám Đốc tại Công ty MLT Hong Kong Limited;<br>+ Giám Đốc tại Công ty VNG INVESTMENT PTE, LTD;<br>+ Giám Đốc tại Công ty VERICHAINS SG PTE, LTD;<br>+ Giám Đốc tại Công ty INSTANTIAPAY HOLDINGS PTE, LTD;<br>+ Giám Đốc tại Funding Asia Group Pte. Ltd;<br>+ Giám Đốc tại Tiki Global Pte. Ltd. |
| Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty | : | 6.382.582 cổ phần, chiếm 17,81% VĐL |
| *Trong đó:* | : | |
| *Cổ phần đại diện sở hữu* | : | 2.856.745 cổ phần, chiếm 7,97% VĐL |
| *Cổ phần cá nhân sở hữu* | : | 3.525.837 cổ phần, chiếm 9,84% VĐL |
| Số lượng cổ phần người có liên quan nắm giữ tại Công ty | : | Lê Hồng Giang (Anh ruột): 46.986 cổ phần, chiếm 0,13% VĐL |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không có |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | : | Không có |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác: | : | Thù lao HĐQT theo mức do ĐHĐCĐ quyết định |
| Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng | : | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng | : | Không có |

### *1.2. Ông Vương Quang Khải - Thành viên HĐQT*

| | | |
|---|---|---|
| Họ tên | : | Vương Quang Khải |

| | | |
|---|---|---|
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : | 17/08/1979 |
| Nơi sinh | : | Hà Nội |
| Số CMND | : | 001079000218 |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Quê quán | : | Bắc Ninh |
| Địa chỉ thường trú | : | I10 Villa Riviera - 60 Giang Văn Minh, Phường An Phú, Thành Phố Thủ Đức, TPHCM |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Sau đại học |
| Quá trình công tác (thời gian, đơn vị công tác, chức vụ) | : | + 02/2007-08/2009: Công ty Cổ Phần VNG – Product Manager (Giám Đốc Sản Phẩm)<br>+ 09/2009-03/2016: Công ty Cổ Phần VNG - Vice President of Web business (Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh Web)<br>+ 04/2016-07/2020: Công ty Cổ Phần VNG - Executive Vice President, Zalo (Phó Tổng Giám đốc điều hành, phụ trách Zalo)<br>+ 08/2020 đến hiện tại: Công ty Cổ Phần VNG - Senior Executive Vice President (Phó Tổng Giám đốc điều hành cấp cao)<br>+ từ 05/2015 - hiện tại: Thành viên HĐQT VNG |
| Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty | : | Đồng Sáng Lập và Phó Tổng Giám đốc điều hành cấp cao VNG<br>Thành viên HĐQT VNG |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Chủ Tịch HĐQT tại Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EPI |
| Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty | : | 1.146.678 cổ phần, chiếm 3.2% VĐL |
| *Trong đó:* | : | |
| *Cổ phần đại diện sở hữu* | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Cổ phần cá nhân sở hữu* | : | 1.435.011 cổ phần, chiếm 4% VĐL |
| Số lượng cổ phần người có liên quan nắm giữ tại Công ty | : | Lê Hoàng Yến (Mẹ ruột): 12.000 CP, chiếm 0,03% VĐL |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không có |

| | | |
|---|---|---|
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | : | Không có |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác: | : | Thù lao HĐQT theo mức do ĐHĐCĐ quyết định |
| Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng | : | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng | : | Không có |

### *1.3. Bà Christina Gaw - Thành viên độc lập HĐQT*

| | | |
|---|---|---|
| Họ tên | : | Christina Gaw |
| Giới tính | : | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | : | 8/10/1972 |
| Nơi sinh | : | Thái Lan |
| Số Hộ chiếu | : | K2337835R |
| Quốc tịch | : | Singapore |
| Địa chỉ thường trú | : | House 5, Turtle Cove, 60 Tai Tam Road, Hong Kong |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Đại học |
| Quá trình công tác (thời gian, đơn vị công tác, chức vụ) | : | + 6/2008 – Hiện tại<br>Gaw Capital Partners - Người điều hành chính<br>+ 10/2014 – Hiện tại<br>Pioneer Global Group Limited - Giám đốc điều hành<br>+ 10/2020 – Hiện tại<br>CLP Holdings Limited - Giám đốc không điều hành độc lập<br>+ Từ 12/2022 - hiện tại: thành viên HĐQT của VNG |
| Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty | : | Thành viên độc lập HĐQT |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Giám đốc điều hành các công ty: Gaw Capital Partners; Pioneer Global Group Limited; CLP Holdings Limited |
| Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Trong đó:* | *:* | |
| *Cổ phần đại diện sở hữu* | *:* | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |

| | | |
|---|---|---|
| *Cổ phần cá nhân sở hữu* | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| Số lượng cổ phần người có liên quan nắm giữ tại Công ty | : | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không có |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | : | Không có |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác: | : | Thù lao HĐQT theo mức do ĐHĐCĐ quyết định |
| Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng | : | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng | : | Không có |

### *1.4. Ông Edphawin Jetjirawat - Thành viên độc lập HĐQT*

| | | |
|---|---|---|
| Họ tên | : | Edphawin Jetjirawat |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : | 20/6/1978 |
| Nơi sinh | : | Thái Lan |
| Số Hộ chiếu | : | AA9195750 |
| Quốc tịch | : | Thái Lan |
| Địa chỉ thường trú | : | 185/159 Rajadamri Road, Lumpini, Pathumwan, Bangkok 10330, Thailand |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Sau Đại học |
| Quá trình công tác (thời gian, đơn vị công tác, chức vụ) | : | + 6/2000 – 5/2002<br>Merrill Lynch Phatra - Cộng sự<br>+ 6/2002 – 7/2005<br>Lombard Investments Asia - Phó chủ tịch<br>+ 9/2007 – 3/2022<br>Temasek International Private Limited - Giám đốc điều hành<br>+ 5/2022 - Hiện tại<br>Koon Tree Holdings Company Limited<br>Đồng sáng lập & Đối tác<br>+ 12/2022 - Hiện tại: Thành viên HĐQT |
| Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty | : | Thành viên độc lập HĐQT |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Đồng sáng lập và đối tác tại Koon Tree Holdings Company Limited |

| | | |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Trong đó:* | : | |
| *Cổ phần đại diện sở hữu* | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Cổ phần cá nhân sở hữu* | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| Số lượng cổ phần người có liên quan nắm giữ tại Công ty | : | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không có |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | : | Không có |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác: | : | Thù lao HĐQT theo mức do ĐHĐCĐ quyết định |
| Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng | : | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng | : | Không có |

### *1.5. Ông Võ Sỹ Nhân - Thành viên độc lập HĐQT*

| | | |
|---|---|---|
| Họ tên | : | Võ Sỹ Nhân |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : | 24/11/1975 |
| Nơi sinh | : | TP. Hồ Chí Minh |
| Số Hộ Chiếu | : | C6513065 |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | : | 79 Điện Biên Phủ, P. ĐaKao, Quận 1, TP.HCM |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân |
| Quá trình công tác (thời gian, đơn vị công tác, chức vụ) | : | + 06/2015 - Hiện tại:<br>EMPIRE CITY LLC - Giám đốc điều hành; Giám sát tất cả các hoạt động và hoạt động kinh doanh<br>+ 06/2015 - Hiện tại:<br>GAW NP CAPITAL – Đồng sáng lập và Giám đốc điều hành; Xem xét các báo cáo tài chính và phi tài chính |

| | | |
|---|---|---|
| | | + 12/2022 – Hiện tại: Thành viên HĐQT độc lập VNG |
| Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty | : | Thành viên độc lập HĐQT |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Giám đốc điều hành Empire City, đồng sáng lập quỹ GAW NP Capital, Phó Chủ tịch Công ty Tiến Phước |
| Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Trong đó:* | : | |
| *Cổ phần đại diện sở hữu* | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Cổ phần cá nhân sở hữu* | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| Số lượng cổ phần người có liên quan nắm giữ tại Công ty | : | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không có |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | : | Không có |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác: | : | Thù lao HĐQT theo mức do ĐHĐCĐ quyết định |
| Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng | : | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng | : | Không có |

### *1.6. Ông Nguyễn Lê Quốc Anh - Thành viên độc lập HĐQT*

| | | |
|---|---|---|
| Họ tên | : | Nguyễn Lê Quốc Anh |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : | 31/01/1966 |
| Nơi sinh | : | TP. Hồ Chí Minh |
| Số Định danh | : | 530948835 |
| Quốc tịch | : | Hoa Kỳ |
| Địa chỉ thường trú | : | 10620 210th Ave NE Redmond, WA 98053 USA |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |

| | | |
|---|---|---|
| Trình độ chuyên môn | : | Sau Đại học |
| Quá trình công tác (thời gian, đơn vị công tác, chức vụ) | : | + 2005 – 2011<br>Wells Fargo – Phó Chủ tịch<br>Lập kế hoạch chiến lược; Tài chính & Hoạt động<br>+ 2011 – 2015<br>T-Mobile US - Giám đốc<br>Quản lý danh mục đầu tư Lập kế hoạch chiến lược<br>+ 2015 - 2020<br>Ngân hàng TMCP Kỹ thương việt Nam (Techcombank) - Tổng Giám đốc<br>+ 12/2022 – Hiện tại: Thành viên HĐQT độc lập VNG |
| Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty | : | Thành viên độc lập HĐQT |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Không có |
| Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Trong đó:* | : | |
| *Cổ phần đại diện sở hữu* | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Cổ phần cá nhân sở hữu* | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| Số lượng cổ phần người có liên quan nắm giữ tại Công ty | : | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không có |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | : | Không có |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác: | : | Thù lao HĐQT theo mức do ĐHĐCĐ quyết định |
| Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng | : | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng | : | Không có |

**2. Ban kiểm soát**

| STT | Tên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Thu Trang | Trưởng BKS |
| 2 | Trương Thị Thanh | Thành viên BKS |
| 3 | Nguyễn Vũ Ngọc Hân | Thành viên BKS |

*Nguồn: VNG*

### *2.1 Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Trưởng BKS*

| | | |
|---|---|---|
| Họ tên | : | Nguyễn Thị Thu Trang |
| Giới tính | : | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | : | 24/12/1985 |
| Nơi sinh | : | Nam Định |
| Số CMND/CCCD | : | 036185025860 |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Quê quán | : | Nam Định |
| Địa chỉ thường trú | : | 197 đường số 20, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP HCM |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân |
| Quá trình công tác (thời gian, đơn vị công tác, chức vụ) | : | + Năm 2007-2014: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - Trợ lý kiểm toán, Kiểm toán viên chính<br>+ Năm 2014 đến 04/2019: Công ty Cổ Phần VNG - Kiểm toán viên nội bộ<br>+ 04/2019 đến hiện tại: Công ty Cổ Phần VNG - Kế toán tổng hợp<br>+ 06/2020 đến hiện tại: Trưởng BKS |
| Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty | : | Trưởng BKS |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Kế toán tổng hợp của Công Ty Cổ Phần Zion |
| Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Trong đó:* | : | |
| *Cổ phần đại diện sở hữu* | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Cổ phần cá nhân sở hữu* | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| Số lượng cổ phần người có liên quan nắm giữ tại Công ty | : | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không có |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | : | Không có |

| | | |
|---|---|---|
| Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng | : | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng | : | Không có |

### *2.2 Bà Trương Thị Thanh - Thành viên BKS*

| | | |
|---|---|---|
| Họ tên | : | Trương Thị Thanh |
| Giới tính | : | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | : | 9/5/1977 |
| Nơi sinh | : | Thanh Hóa |
| Số CMND/CCCD | : | 030177000044 |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Quê quán | : | Thanh Hóa |
| Địa chỉ thường trú | : | A12A 05 Lô S63 Nam Phúc Lejardin, P. Tân Phú, Quận 7, TP HCM |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân |
| Quá trình công tác (thời gian, đơn vị công tác, chức vụ) | : | + Năm 2000: Chuyên viên tại Ủy Ban Dân Tộc Miền Núi Thanh Hoá, Dự án 135<br>+ 2001 – 2004: Chuyên viên tại Trung Tâm Phân Tích và Môi Trường<br>+ 2005 – 2014: Trưởng Bộ Phận Phân Phối tại Công Ty Cổ Phần Zion<br>+ 08/2014 – nay: Chủ tịch HĐQT tại Công Ty Cổ Phần Zion<br>+ 10/2022 – nay: thành viên BKS VNG |
| Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty | : | Thành viên BKS |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | + Chủ Tịch HĐQT tại Công Ty Cổ Phần Zion;<br>+ Chủ Tịch HĐTV tại Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn; |
| Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty | : | 36.283 cổ phần, chiếm 0,101% VĐL |
| *Trong đó:* | : | |
| *Cổ phần đại diện sở hữu* | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Cổ phần cá nhân sở hữu* | : | 36.283 cổ phần, chiếm 0,101% VĐL |

| | | |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phần người có liên quan nắm giữ tại Công ty | : | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không có |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | : | Không có |
| Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng | : | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng | : | Không có |

### *2.3 Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân - Thành viên BKS*

| | | |
|---|---|---|
| Họ tên | : | Nguyễn Vũ Ngọc Hân |
| Giới tính | : | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | : | 28/05/1982 |
| Nơi sinh | : | TP Hồ Chí Minh |
| Số CMND/CCCD | : | 079182012148 |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Quê quán | : | Thái Bình |
| Địa chỉ thường trú | : | 16/2 Tân Thành, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP HCM |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân |
| Quá trình công tác (thời gian, đơn vị công tác, chức vụ) | : | + 08/2005-03/2007 Kế toán tính giá thành, Eurowindow Co., Ltd<br>+ 05/2007-03/2008 Kế toán ngân hàng, Eurowindow Co., Ltd<br>+ 04/2008-04/2016: Trưởng nhóm kế toán phải trả và kế toán ngân hàng VNG<br>+ 09/2016-03/2017 Kế toán trưởng VNG<br>+ 03/2017 – hiện tại Quản lý tài chính dự án (Dự án VNG Campus)<br>+ 10/2022 - nay: thành viên BKS VNG |
| Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty | : | Thành viên BKS |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Không có |
| Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty | : | 166 cổ phần, chiếm 0,00046% VĐL |

| | | |
|---|---|---|
| *Trong đó:* | : | |
| *Cổ phần đại diện sở hữu* | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Cổ phần cá nhân sở hữu* | : | 166 cổ phần, chiếm 0,00046% VĐL |
| Số lượng cổ phần người có liên quan nắm giữ tại Công ty | : | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không có |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | : | Không có |
| Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng | : | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng | : | Không có |

## 3. Ban Tổng giám đốc

### *3.1 Ông Lê Hồng Minh - Tổng Giám đốc*

Xem thông tin tại Mục 1.1 Phần II của Bản Công bố thông tin này.

### *3.2 Ông Vương Quang Khải - Phó Tổng Giám đốc*

Xem thông tin tại Mục 1.2 Phần II của Bản Công bố thông tin này.

### *3.3 Ông Nguyễn Lê Thành - Phó Tổng Giám đốc*

| | | |
|---|---|---|
| Họ tên | : | Nguyễn Lê Thành |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : | 20/01/1977 |
| Nơi sinh | : | Hà Nội |
| Số CMND/CCCD | : | 001077019966 |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Quê quán | : | Thái Bình |
| Địa chỉ thường trú | : | 189/42 Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP HCM |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Sau đại học |

| | | |
|---|---|---|
| Quá trình công tác (thời gian, đơn vị công tác, chức vụ) | : | + 1999-2004: VISC Software & Security Consulting – Nhà Sáng Lập<br>+ 2004-2006: Network Security Solutions - Principal Security Consultant (Chuyên gia tư vấn bảo mật chính)<br>+ Năm 2006-2011: Công ty Intel - CPU Security Architect (Kỹ sư bảo mật CPU)<br>+ 04/2011-03/2022: Công Ty Cổ Phần VNG - Chief Information Officer (Giám đốc Thông tin)<br>+ 03/2022 đến hiện tại: Công Ty Cổ Phần VNG - Vice President of Information Technology (Phó Tổng Giám đốc Công nghệ Thông tin) |
| Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty | : | Phó Tổng Giám đốc Công nghệ Thông tin (Vice President of Information Technology) |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | + Giám Đốc tại Công Ty TNHH Verichains;<br>+ Giám Đốc tại Công Ty VERICHAINS SG PTE, LTD |
| Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty | : | 134.837 cổ phần, chiếm 0,376% VĐL |
| *Trong đó:* | : | |
| *Cổ phần đại diện sở hữu* | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Cổ phần cá nhân sở hữu* | : | 134.837 cổ phần, chiếm 0,376% VĐL |
| Số lượng cổ phần người có liên quan nắm giữ tại Công ty | : | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không có |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | : | Không có |
| Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng | : | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng | : | Không có |

### *3.4 Ông Wong Kelly Yin Hon - Phó Tổng Giám đốc*

| | | |
|---|---|---|
| Họ tên | : | Wong Kelly Yin Hon |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : | 09/03/1977 |
| Nơi sinh | : | Hồng Kông |
| Số Hộ chiếu | : | AJ884335 |
| Quốc tịch | : | Canada |

| | | |
|---|---|---|
| Quê quán | : | Hồng Kông |
| Địa chỉ thường trú | : | 404/12 Tân Phú, Khu Nam Đô, Phường Tân Phú, Quận 7, TPCHM |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân |
| Quá trình công tác (thời gian, đơn vị công tác, chức vụ) | : | + 07/2002-09/2003: Pepsi Bottling Group - Corporate Sales Representative (Đại diện khối bán hàng doanh nghiệp)<br>+ 07/2004-03/2007: HSBC Vietnam - Relationship Manager (Giám đốc phát triển quan hệ)<br>+ 03/2007-03/2008: HSBC Vietnam - Corporate Sales Manager (Giám đốc khối bán hàng doanh nghiệp)<br>+ 03/2008-12/2009: Ho Chi Minh city securities Corporation – Director (Giám đốc)<br>+ 12/2009-08/2011: Ho Chi Minh city securities Corporation - Managing Director, Head of investment banking (Tổng giám đốc phụ trách đầu tư ngân hàng)<br>+ 08/2011-06/2020: Kido Group - Group CFO, Phó Tổng Giám đốc Tài chính<br>+ 06/2020 đến 10/2021: Công ty cổ phần VNG - Phó Tổng Giám đốc Điều hành<br>+ 10/2021 đến hiện tại: Công ty cổ phần VNG - Vice President of Game Entertainment / Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng Game |
| Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty | : | Vice President of Game Entertainment (Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng Game) |

| | | |
|---|---|---|
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | + Chủ Tịch Công Ty và Người Đại Diện Theo Pháp Luật tại Công Ty TNHH VNG Data Center;<br>+ Thành viên HĐQT Công Ty Cổ Phần Dayone;<br>+ Giám Đốc tại Công Ty VNG SINGAPORE PTE. LTD;<br>+ Giám Đốc tại Công Ty ZINGPLAY INTERNATIONAL PTE, LTD;<br>+ Giám Đốc tại Công Ty MLT Hongkong Limited;<br>+ Giám Đốc tại Công Ty VNG SINGAPORE PTE. LTD Taiwan Branch;<br>+ Giám Đốc tại Công Ty VNG INVESTMENT PTE, LTD;<br>+ Giám Đốc tại Công Ty VERICHAINS SG PTE, LTD. |
| Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Trong đó:* | *:* | |
| *Cổ phần đại diện sở hữu* | *:* | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Cổ phần cá nhân sở hữu* | *:* | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| Số lượng cổ phần người có liên quan nắm giữ tại Công ty | *:* | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không có |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | : | Không có |
| Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng | : | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng | : | Không có |

### *3.5 Ông Tan Wei Ming - Giám Đốc Tài Chính*

| | | |
|---|---|---|
| Họ tên | : | Tan Wei Ming |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : | 12/02/1973 |
| Nơi sinh | : | Kuala Lumpur |
| Số CMND, ngày cấp, nơi cấp | : | A55173264 |

| | | |
|---|---|---|
| Quốc tịch | : | Malaysia |
| Quê quán | : | Malaysia |
| Địa chỉ thường trú | : | 8A, Lynwood Grove, Lynwood Eight, Singapore |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Thạc sĩ |
| Quá trình công tác (thời gian, đơn vị công tác, chức vụ) | : | + 02/1992-06/1997: Deloitte - Senior Analyst, Audit (Phân tích cấp cao mảng kiểm toán)<br>+ 07/1997-10/1998: FH Faulding & Co - Corporate Treasury Manager (Giám đốc vốn doanh nghiệp)<br>+ 11/1998-08/2002: Macquarie bank - Investment associate (Chuyên viên đầu tư)<br>+ 09/2004-08/2007: Barclays Capital - Senior Associate, Leveraged Finance Division (Chuyên viên cao cấp)<br>+ 09/2007-05/2012: Credit Suisse - Director, TMT Industry Group (Giám đốc)<br>+ 06/2012-12/2018: Astro - Chief Investment Officer (Giám đốc đầu tư)<br>+ 07/2019-08/2021: Evive Biotech - Chief Financial Officer (Giám đốc tài chính)<br>+ 10/2021 đến hiện tại: Công Ty Cổ Phần VNG - Giám Đốc Tài Chính |
| Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty | : | Giám Đốc Tài Chính của Công Ty Cổ Phần VNG |

| | | |
|---|---|---|
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | + Thành viên HĐQT tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Mạng Vi Na;<br>+ Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc Tài Chính tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ - Dữ Liệu Công Nghệ Thông Tin Vi Na;<br>+ Giám Đốc tại Công Ty VNG SINGAPORE PTE. LTD;<br>+ Giám Đốc tại Công Ty ZINGPLAY INTERNATIONAL PTE, LTD;<br>+ Giám Đốc tại Công Ty VERICHAINS SG PTE, LTD;<br>+ Giám Đốc tại Công Ty VNG INVESTMENT PTE, LTD;<br>+ Giám Đốc tại Công Ty INSTANTIAPAY HOLDINGS PTE, LTD;<br>+ Giám Đốc tại Công Ty INSTANTIAPAY SG PTE, LTD;<br>+ Giám Đốc tại Công Ty INSTANTIAPAY LIMITED (UK);<br>+ Giám Đốc tại Công Ty INSTANTIAPAY LIMITED (HK). |
| Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Trong đó:* | : | |
| *Cổ phần đại diện sở hữu* | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Cổ phần cá nhân sở hữu* | : | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| Số lượng cổ phần người có liên quan nắm giữ tại Công ty | : | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không có |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | : | Không có |
| Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng | : | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng | : | Không có |

**4. Kế toán trưởng**

| | | |
|---|---|---|
| Họ tên | : | Lê Trung Tín |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : | 20/03/1985 |

| | | |
|---|---|---|
| Nơi sinh | : | TP Hồ Chí Minh |
| Số CMND | : | 023755867 |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Quê quán | : | TP Hồ Chí Minh |
| Địa chỉ thường trú | : | 283/12/1B Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP HCM |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân |
| Quá trình công tác (thời gian, đơn vị công tác, chức vụ) | : | + 2008-2010: BDO Vietnam Limited – Auditor (Kiểm toán viên)<br>+ 2011-2017: Ernst & Young - Experienced Manager (Giám đốc)<br>+ 01/2020: Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Mạng Vi Na - Trưởng Bộ Phận Dịch Vụ Kế Toán<br>+ 11/2020: Công Ty TNHH Nội Dung Số Nguyên Bảo - Quản Lý Tài Chính<br>+ 02/2022: Công Ty Cổ Phần A4B - Trưởng Bộ Phận Dịch Vụ Kế Toán<br>+ 04/2022: Công Ty TNHH Verichains - Trưởng Bộ Phận Dịch Vụ Kế Toán<br>+ 04/2017 đến hiện tại: Công ty Cổ Phần VNG - Kế toán trưởng |
| Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty | : | Kế toán trưởng - Công Ty Cổ Phần VNG |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | + Trưởng Bộ Phận Dịch Vụ Kế Toán tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Mạng Vi Na;<br>+ Quản Lý Tài Chính Công tại Công Ty TNHH ZingPlay Việt Nam;<br>+ Quản Lý Tài Chính Công Ty TNHH Nội Dung Số Nguyên Bảo;<br>+ Trưởng Bộ Phận Dịch Vụ Kế Toán tại Công Ty Cổ Phần A4B;<br>+ Trưởng Bộ Phận Dịch Vụ Kế Toán tại Công Ty TNHH Verichains |
| Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty | : | 2.465 cổ phần, chiếm 0,007% VĐL |
| *Trong đó:* | *:* | |
| *Cổ phần đại diện sở hữu* | *:* | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |
| *Cổ phần cá nhân sở hữu* | *:* | 2.465 cổ phần, chiếm 0,007% VĐL |

| | | |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phần người có liên quan nắm giữ tại Công ty | : | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không có |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | : | Không có |
| Lợi ích khác liên quan đối với Công ty đại chúng | : | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng | : | Không có |

## 5. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Trong 18 năm hoạt động, Công Ty Cổ Phần VNG luôn tuân thủ đầy đủ Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan. Lãnh đạo VNG xác định quản trị công ty là yếu tố cốt lõi giúp Công ty hoạt động hiệu quả, minh bạch, là tiền đề quan trọng cho việc mở rộng doanh nghiệp trong tương lai và thu hút nhà đầu tư.

VNG luôn cố gắng đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành đối với công ty đại chúng, các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS và cán bộ quản lý của Công ty. Các văn bản bao gồm Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty đã được tham chiếu theo các bản mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020.

Ngoài ra, Công ty luôn rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và nhân lực theo hướng tinh gọn hiệu quả, tăng cường trách nhiệm của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, định kỳ hàng năm thực hiện công tác đánh giá, phân loại cán bộ tạo cơ sở để quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ theo đúng các quy định của pháp luật, quy trình/chính sách nội bộ của doanh nghiệp.

Để tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp sau khi đăng ký giao dịch, VNG cũng sẽ chủ động minh bạch hóa thông tin đến cổ đông thông qua việc cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính và thực hiện các nghĩa vụ công bố thông tin khác trên website của Công ty; báo cáo thường niên và báo cáo quản trị Công ty.

Hiện tại Chủ tịch HĐQT đang kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty. Để tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Công ty cam kết sẽ tìm kiếm nhân sự phù hợp và trình Hội đồng quản trị về việc thay đổi nhân sự vào kỳ họp Hội đồng quản trị tháng 1 năm 2023.

## 6. Danh sách người nội bộ và người có liên quan

**Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của Công ty Cổ phần VNG**

| STT | Tên | Chức vụ tại VNG | Số lượng CP VNG sở hữu tại 26/10/2022 | Tỷ lệ sở hữu tại 26/10/2022 | Mối quan hệ với người nội bộ |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Hội đồng quản trị** | | | | |
| **1** | **Lê Hồng Minh** | **Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc** | **3.525.837** | **9,837%** | |
| 1.1. | Lê Đình Lương | - | - | - | Bố ruột |
| 1.2. | Lê An Minh | - | - | - | Con đẻ |
| 1.3. | Lê Ngân Minh | - | - | - | Con đẻ |
| 1.4. | Lê Hồng Giang | - | 46.986 | 0,131% | Anh/Em trai |
| 1.5. | Hà Thị Mỹ Phương | - | - | - | Chị/Em dâu |
| **2** | **Vương Quang Khải** | **Thành viên HĐQT kiêm Thành viên ban Tổng Giám đốc** | **1.435.011** | **4,003%** | |
| 2.1. | Vương Trí Nhàn | - | - | - | Bố ruột |
| 2.2. | Lê Hoàng Yến | - | 12.000 | 0,033% | Mẹ ruột |
| 2.3. | Nguyễn Hoàng Lộc | - | - | - | Bố vợ |
| 2.4. | Lê Thị Trang | - | - | - | Me vợ |
| 2.5. | Nguyễn Thị Nghĩa | - | - | - | Vợ |
| 2.6. | Vương Khải Minh | - | - | - | Con đẻ |
| 2.7. | Vương Khải Anh | - | - | - | Con đẻ |
| 2.8. | Vương Khải Nam | - | - | - | Con đẻ |
| 2.9. | Vương Đức Trung | - | - | - | Anh/Em trai |
| 2.10. | Nguyễn Hồng Ngọc | - | - | - | Chị/Em dâu |
| 2.11. | Nguyễn Thị Nga | - | - | - | Chị/Em dâu |
| 2.12. | Nguyễn Ánh Ngọc | - | - | - | Chị/Em dâu |
| 2.13. | Nguyễn Lan Anh | - | - | - | Chị/Em dâu |
| **3** | **Christina Gaw** | **Thành viên HĐQT** | **0** | **0,00%** | |
| 3.1. | Rossana Gaw Wang | - | - | - | Mẹ ruột |
| 3.2. | William Hug Mc Gregor Donohugh | - | - | - | Chồng |
| 3.3. | Trinity Gaw Donohugh | - | - | - | Con đẻ |
| 3.4. | Justin Anthony Mc Gregor Donohugh | - | - | - | Con đẻ |
| 3.5. | Brian William Donohugh | - | - | - | Con đẻ |

| STT | Tên | Chức vụ tại VNG | Số lượng CP VNG sở hữu tại 26/10/2022 | Tỷ lệ sở hữu tại 26/10/2022 | Mối quan hệ với người nội bộ |
|---|---|---|---|---|---|
| 3.6. | Sophie Christina Donohugh | - | - | - | Con đẻ |
| 3.7. | Goodwin Gaw | - | - | - | Anh/Chị/Em |
| 3.8. | Kenneth Gaw | - | - | - | Anh/Chị/Em |
| **4** | **Edphawin Jetjirawat** | **Thành viên độc lập HĐQT** | **0** | **0.00%** | |
| 4.1. | Somyod Jetjirawat | - | - | - | Bố ruột |
| 4.2. | Usa Jetjirawat | - | - | - | Mẹ ruột |
| 4.3. | Rosana Jetjirawat | - | - | - | Vợ |
| 4.4. | Athit Jetjirawat | - | - | - | Con đẻ |
| 4.5. | Chayond Jetjirawat | - | - | - | Anh/Em trai |
| **5** | **Võ Sỹ Nhân** | **Thành viên độc lập HĐQT** | **0** | **0,00%** | |
| 5.1. | Nguyễn Thị Bạn | - | - | - | Mẹ ruột |
| 5.2. | Võ Linh Đan | - | - | - | Con đẻ |
| 5.3. | Võ Minh Khang | - | - | - | Con đẻ |
| 5.4. | Võ Anh Thư | - | - | - | Em gái |
| **6** | **Nguyễn Lê Quốc Anh** | **Thành viên độc lập HĐQT** | **0** | **0,00%** | |
| 6.1. | Bich Ngoc Le | - | - | - | Mẹ ruột |
| 6.2. | Kinh Nguyen | - | - | - | Bố vợ |
| 6.3. | Hoa Do | - | - | - | Me vợ |
| 6.4. | My Khanh Nguyen Le | - | - | - | Vợ |
| 6.5. | Minh Khoi Krik Nguyen Le | - | - | - | Con đẻ |
| 6.6. | Quy An Andrea Nguyen Le | - | - | - | Con đẻ |
| 6.7. | Quoc Phong Nguyen Le | - | - | - | Anh/Em trai |
| 6.8. | Thuy Linh Nguyen Le | - | - | - | Chị/Em gái |
| 6.9. | Thuy Yen Nguyen Le | - | - | - | Chị/Em gái |
| 6.10. | Kenny Nguyen | - | - | - | Anh/Em rể |
| 6.11. | Kevin Nguyen | - | - | - | Anh/Em rể |
| 6.12. | Joe Nguyen | - | - | - | Anh/Em rể |

| STT | Tên | Chức vụ tại VNG | Số lượng CP VNG sở hữu tại 26/10/2022 | Tỷ lệ sở hữu tại 26/10/2022 | Mối quan hệ với người nội bộ |
|---|---|---|---|---|---|
| 6.13. | Kim Nguyen | - | - | - | Chị/Em dâu |
| **II** | **Ban Tổng Giám đốc** | | | | |
| **1** | **Lê Hồng Minh** | **Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc** | **3.525.837** | **9,837%** | |
| | Xin xem mục I.1 bên trên | | | | |
| **2** | **Vương Quang Khải** | **Thành viên HĐQT kiêm Thành viên ban Tổng Giám đốc** | **1.435.011** | **4,003%** | |
| | Xin xem mục I.2 bên trên | | | | |
| **3** | **Nguyễn Lê Thành** | **Thành viên ban Tổng Giám đốc** | **134.837** | **0,376%** | |
| 3.1. | Lê Thị Phấn | - | - | - | Mẹ ruột |
| 3.2. | Trần Quốc Huy | - | - | - | Bố vợ |
| 3.3. | Phạm Thị Phương | - | - | - | Me vợ |
| 3.4. | Trần Phương Thảo | - | - | - | Vợ |
| 3.5. | Nguyễn Quang Minh | - | - | - | Con đẻ |
| 3.6. | Nguyễn Thảo Minh | - | - | - | Con đẻ |
| 3.7. | Nguyễn Quang Hiệp | - | - | - | Anh/Em trai |
| 3.8. | Bùi Thị Bích Hạnh | - | - | - | Chị/Em dâu |
| 3.9. | Trần Ngọc Phương Trinh | - | - | - | Chị/Em dâu |
| **4** | **Wong Kelly Yin Hon** | **Thành viên ban Tổng Giám đốc** | **0** | **0,000%** | |
| 4.1. | Trương Thị Hương | - | - | - | Vợ |
| 4.2. | Marcus Vinh Phong Wong | - | - | - | Con đẻ |
| 4.3. | Mai Wai Yin Wong | - | - | - | Con đẻ |
| **5** | **Tan Wei Ming** | **Thành viên ban Tổng Giám đốc** | **0** | **0.00%** | |
| 5.1. | Tan Yew Jin | - | - | - | Bố ruột |
| 5.2. | Ng Hock Bee | - | - | - | Mẹ ruột |
| 5.3. | Liesl Reichelt | - | - | - | Vợ |

| STT | Tên | Chức vụ tại VNG | Số lượng CP VNG sở hữu tại 26/10/2022 | Tỷ lệ sở hữu tại 26/10/2022 | Mối quan hệ với người nội bộ |
|---|---|---|---|---|---|
| 5.4. | Hugo Tan Zhi Yang | - | - | - | Con đẻ |
| 5.5. | Mia Tan Li Shen | - | - | - | Con đẻ |
| 5.6. | Eliza Tan Ai Shen | - | - | - | Con đẻ |
| 5.7. | Tan Tsin Yu | - | - | - | Anh/Chị/Em |
| 5.8. | Tan Yu Chern | - | - | - | Anh/Chị/Em |
| 5.9. | Tan Wei Keong | - | - | - | Anh/Chị/Em |
| 5.10. | Tan Wei Hong | - | - | - | Anh/Chị/Em |
| 5.11. | Luke Long | - | - | - | Anh/Chị/Em dâu |
| 5.12. | Jackson Tang | - | - | - | Anh/Chị/Em dâu |
| **III** | **Ban kiểm soát** | | | | |
| **1** | **Nguyễn Thị Thu Trang** | **Trưởng Ban Kiểm Soát** | **0** | **0.00%** | |
| 1.1. | Nguyễn Mạnh Hà | - | - | - | Bố ruột |
| 1.2. | Đinh Thị Kim Dung | - | - | - | Mẹ ruột |
| 1.3. | Nguyễn Văn Luật | - | - | - | Bố chồng |
| 1.4. | Nguyễn Thị Xiêm | - | - | - | Mẹ chồng |
| 1.5. | Nguyễn Văn Tiến | - | - | - | Chồng |
| 1.6. | Nguyễn Hồng Quân | - | - | - | Con đẻ |
| 1.7. | Nguyễn Mạnh Hùng | - | - | - | Anh/Em trai |
| 1.8. | Lê Thị Thanh Vân | - | - | - | Chị/Em dâu |
| **2** | **Trương Thị Thanh** | **Thành viên Ban Kiểm Soát** | **36.283** | **0.101%** | |
| 2.1. | Trương Văn Huy | - | - | - | Bố ruột |
| 2.2. | Vũ Thị Liên | - | - | - | Mẹ ruột |
| 2.3. | Trương Vũ Nhật Minh | - | - | - | Con đẻ |
| 2.4. | Trương Công Hoàng | - | - | - | Em trai |
| 2.5. | Trương Công Anh | - | - | - | Em gái |
| 2.6. | Nguyễn Thị Minh | - | - | - | Em dâu |
| 2.7. | Hoàng Thị Hồng | - | - | - | Em dâu |
| **3** | **Nguyễn Vũ Ngọc Hân** | **Thành viên Ban Kiểm Soát** | **166** | **0,00046%** | |
| 3.1. | Nguyễn Cao Phấn | - | - | - | Bố ruột |
| 3.2. | Vũ Thị Ngọc Quỳnh | - | - | - | Mẹ ruột |

| STT | Tên | Chức vụ tại VNG | Số lượng CP VNG sở hữu tại 26/10/2022 | Tỷ lệ sở hữu tại 26/10/2022 | Mối quan hệ với người nội bộ |
|---|---|---|---|---|---|
| 3.3. | Nguyễn Minh Kha | - | - | - | Con đẻ |
| 3.4. | Nguyễn Ngọc Thiện Băng | - | - | - | Con đẻ |
| **IV** | **Kế toán trưởng** | | | | |
| **1** | **Lê Trung Tín** | **Kế toán trưởng** | **2.465** | **0,007%** | |
| 1.1. | Lê Văn Thành | - | - | - | Bố ruột |
| 1.2. | Phan Thị Thức | - | - | - | Mẹ ruột |
| 1.3. | Đỗ Văn Hải | - | - | - | Bố vợ |
| 1.4. | Nguyễn Thị Dược | - | - | - | Me vợ |
| 1.5. | Đỗ Thị An Bình | - | - | - | Vợ |
| 1.6. | Lê Trung Hiếu | - | - | - | Con đẻ |
| 1.7. | Lê Trung Kiên | - | - | - | Con đẻ |
| 1.8. | Lê Thị Ngọc Chọn | - | - | - | Chị/Em gái |
| 1.9. | Trần Quốc Đại | - | - | - | Anh/Em rể |
| 1.10. | Lê Thị Ngọc Loa | - | - | - | Chị/Em gái |
| 1.11. | Đỗ Nhất Long | - | - | - | Anh/Em rể |
| 1.12. | Đỗ Thị Hà Trang | - | - | - | Chị/Em dâu |
| **IV** | **Người được ủy quyền công bố thông tin** | | | | |
| **1** | **Trần Vân Khánh Giang** | **Trưởng BP hoạch định và phân tích tài chính** | **11.532** | **0,032%** | |
| 1.1. | Trần diện | - | - | - | Bố ruột |
| 1.2. | Nguyễn Thị Cẩm Vân | - | - | - | Mẹ ruột |
| 1.3. | Nguyễn Công Lập | - | - | - | Bố chồng |
| 1.4. | Hồ Thị Hoa | - | - | - | Me chồng |
| 1.5. | Nguyễn Đắc Quỳnh | - | - | - | Vợ/Chồng |
| 1.6. | Nguyễn Khương Duy | - | - | - | Con đẻ |
| 1.7. | Nguyễn Khang Huy | - | - | - | Con đẻ |
| 1.8. | Trần Bảo Vân | - | - | - | Em trai |

*Nguồn: VNG*

## 7. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Số dư chủ yếu với các bên liên quan năm 2021 và 6 tháng đầu 2022 như sau:

**Bảng 30: Nghiệp vụ với các bên liên quan (hợp nhất) tại 31/12/2021 và 30/09/2022**

*Đơn vị: triệu đồng*

**Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau (hợp nhất):**

| *Bên liên quan* | *Mối quan hệ* | *Nội dung nghiệp vụ* | *Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022* | *Cho năm 2021* |
|---|---|---|---|---|
| Telio | Công ty liên kết | Góp vốn | 515.282 | - |
| Funding Asia | Công ty liên kết | Góp vốn | 512.550 | - |
| Ecotruck | Công ty liên kết | Góp vốn | 46.800 | - |
| Tencent Shenzhen | Bên liên quan của cổ đông lớn | Phí bản quyền phần mềm | 21.205 | 28.324 |
| Ti Ki | Công ty con của công ty liên kết | Doanh thu dịch vụ hỗ trợ thanh toán | 5.187 | - |
| | | Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo | 1.294 | 17.314 |
| Tencent Mobile International Ltd. | Bên liên quan của cổ đông lớn | Cung cấp dịch vụ quảng cáo | 2.399 | 5.740 |
| Tencent Shanghai | Bên liên quan của cổ đông lớn | Phí bản quyền phần mềm | 1.335 | 17.748 |
| Day One | Công ty liên kết | Góp vốn | - | 138.120 |
| | | Mua dịch vụ | 43 | 2.683 |

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc bao gồm lương và các chi phí liên quan như sau:

| | *Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022* | *Cho năm 2021* |
|---|---|---|
| Các thành viên Ban Tổng Giám đốc | 27.808 | 24.678 |
| Các thành viên Hội đồng Quản trị | 4.633 | 6.498 |
| Các thành viên Ban Kiểm soát | 135 | 180 |
| **TỔNG CỘNG** | **32.576** | **31.356** |

**Các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau (hợp nhất):**

| *Bên liên quan* | *Mối quan hệ* | *Nội dung nghiệp vụ* | *Ngày 30 tháng 9 năm 2022* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2021* |
|---|---|---|---|---|
| ***Phải thu ngắn hạn của khách hàng*** | | | | |
| Tencent Mobile International Ltd. | Bên liên quan của cổ đông lớn | Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo | 351 | 2.663 |
| Ti Ki | Công ty con của công ty liên kết | Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo | - | 2.526 |
| **TỔNG CỘNG** | | | **351** | **5.189** |
| ***Trả trước cho người bán ngắn hạn*** | | | | |
| Ti Ki | Công ty con của công ty liên kết | Bán thẻ trò chơi trả trước | - | 1.415 |
| ***Phải trả người bán ngắn hạn*** | | | | |
| Tencent Shenzhen | Bên liên quan của cổ đông lớn | Phí bản quyền phần mềm | - | 24.451 |
| Ti Ki | Công ty con của công ty liên kết | Chi hộ | - | - |
| Tencent Shanghai | Bên liên quan của cổ đông lớn | Phí bản quyền phần mềm | 221 | 1.486 |
| Day One | Công ty liên kết | Mua thẻ trò chơi trả trước | - | 619 |
| **TỔNG CỘNG** | | | **221** | **26.556** |
| ***Chi phí phải trả ngắn hạn*** | | | | |
| Tencent Shenzhen | Bên liên quan của cổ đông lớn | Phí bản quyền phần mềm | 17.529 | 11.342 |
| Tencent Shanghai | Bên liên quan của cổ đông lớn | Phí bản quyền phần mềm | 324 | 785 |
| | | | **17.853** | **12.127** |
| ***Phải trả khác*** | | | | |
| Ti Ki | Công ty con của công ty liên kết | Thu hộ | - | 2.298 |

**Bảng 31: Nghiệp vụ với các bên liên quan (riêng) tại 31/12/2021 và 30/09/2022**

*Đơn vị: triệu đồng*

**Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau (riêng lẻ):**

| *Bên liên quan* | *Mối quan hệ* | *Nội dung nghiệp vụ* | *Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022* | *Cho năm 2021* |
|---|---|---|---|---|
| Zion | Công ty con | Góp vốn | 680.400 | 819.720 |
| | | Doanh thu cho thuê | 33.157 | 44.210 |
| | | Mua dịch vụ hỗ trợ thanh toán | 24.032 | 44.398 |
| | | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 7.357 | 23.869 |
| Telio | Công ty liên kết | Góp vốn | 515.273 | - |
| Funding Asia | Công ty liên kết | Góp vốn | 512.550 | - |
| Thanh Sơn | Công ty con | Bán thẻ trò chơi trả trước | 754.431 | 1.264.698 |
| | | Mua hàng hóa | 270 | - |
| Adtima | Công ty con | Doanh thu phân chia | 578.276 | 130.767 |
| | | Cung cấp dịch vụ quảng cáo | 446 | - |
| VNGS | Công ty con | Cổ tức được chia | 709.285 | - |
| | | Phí bản quyền phần mềm | 152.365 | 198.407 |
| | | Dịch vụ cho thuê | 14.121 | - |
| | | Mua dịch vụ | 333 | |
| MPT | Công ty con | Doanh thu phân chia | 280.884 | 507.476 |
| VinaData | Công ty con | Thuê chỗ đặt máy chủ và thuê cước đường truyền | 247.101 | 314.408 |
| | | Doanh thu dịch vụ ZNS | 34 | - |
| | | Mua dịch vụ | 13 | - |
| | | Mua hàng hóa | 3 | - |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| ZPS | Công ty con | Doanh thu phân chia | 126.968 | 202.947 |
| | | Doanh thu hàng hóa | 96 | |
| EPI | Công ty con | Mua dịch vụ quảng cáo | 89.424 | 139.268 |
| | | Cổ tức được chia | 247.000 | |
| VNG Online | Công ty con | Mua dịch vụ quảng cáo | 81.230 | 123.764 |
| | | Cổ tức được chia | 35.000 | |
| Ecotruck | Công ty liên kết | Góp vốn | 46.800 | - |
| Fiza | Công ty con | Doanh thu phân chia | 29.898 | 5.447 |
| A4B | Công ty con | Góp vốn | 15.001 | - |
| Tencent Shenzhen | Bên liên quan của cổ đông lớn | Phí bản quyền phần mềm | 21.205 | 28.324 |
| Vinanet | Công ty con | Mua dịch vụ quảng cáo | 6.530 | 36.818 |
| | | Doanh thu cho thuê | 45 | |
| Tencent Mobile International Ltd. | Bên liên quan của cổ đông lớn | Cung cấp dịch vụ quảng cáo | 2.399 | 5.740 |
| Tiki | Công ty con của công ty liên kết | Cung cấp dịch vụ quảng cáo | 1.294 | 8.546 |
| Tencent Shanghai | Bên liên quan của cổ đông lớn | Phí bản quyền phần mềm | 1.335 | 17.748 |
| Long Đỉnh | Công ty con | Doanh thu phân chia | 2.210 | 894 |
| | | Cổ tức được chia | 27.000 | |
| XFM | Công ty con | Mua dịch vụ quảng cáo | 118 | - |
| Day One | Công ty liên kết | Góp vốn | - | 2.683 |
| | | Mua dịch vụ | 43 | |
| Verichains VN | Công ty con | Góp vốn | 10.000 | |
| | | Mua dịch vụ | 2.000 | |
| Mixus | Công ty con | Phí bản quyền | 5.000 | |

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc bao gồm lương và các chi phí liên quan như sau:

| | *Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022* | *Cho năm 2021* |
|---|---|---|
| Các thành viên Ban Tổng Giám đốc | 17.260 | 20.986 |
| Các thành viên Hội đồng Quản trị | 3.231 | 4.472 |
| Các thành viên Ban Kiểm soát | 135 | 180 |
| **TỔNG CỘNG** | **20.627** | **25.638** |

**Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau (riêng lẻ):**

| *Bên liên quan* | *Mối quan hệ* | *Nghiệp vụ* | *Ngày 30 tháng 9 năm 2022* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2021* |
|---|---|---|---|---|
| ***Phải thu ngắn hạn của khách hàng*** | | | | |
| Zion | Công ty con | Trích trước doanh thu | 196.619 | 927 |
| | | Doanh thu cho thuê | 4.053 | - |
| | | Thu hộ | 83 | 213.850 |
| Adtima | Công ty con | Doanh thu quảng cáo phân chia | 37.058 | 43.290 |
| Thanh Sơn | Công ty con | Bán thẻ trò chơi trả trước | 14.841 | 70.080 |
| Fiza | Công ty con | Doanh thu phân chia | 9.184 | 470 |
| Tencent Mobile International Ltd. | Bên liên quan của cổ đông lớn | Cung cấp dịch vụ quảng cáo | 351 | 2.663 |
| Tiki | Công ty con của công ty liên kết | Cung cấp dịch vụ quảng cáo | | 1.577 |
| Vinanet | Công ty con | Trả hộ | 17 | |
| VinaData | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | 21 | - |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **TỔNG CỘNG** | | | **262.227** | **332.857** |
| ***Trả trước ngắn hạn cho người bán*** | | | | |
| Vinadata | Công ty con | Cung cấp dịch vụ cho thuê | 115.705 | - |
| Zion | Công ty con | Mua dịch vụ | 217 | - |
| **TỔNG CỘNG** | | | **115.922** | **-** |
| ***Phải thu ngắn hạn khác*** | | | | |
| VNG Singapore | Công ty con | Chi hộ | 835 | 863 |
| Zion | Công ty con | Chi hộ | 195 | 1.013 |
| EPI | Công ty con | Chi hộ | | 20.346 |
| Các công ty khác | Công ty con | Chi hộ | 889 | 494 |
| **TỔNG CỘNG** | | | **1.919** | **22.716** |
| ***Phải trả người bán ngắn hạn*** | | | | |
| MPT | Công ty con | Thu hộ | 274.784 | 106.283 |
| VinaData | Công ty con | Chi phí cước đường truyền | | 81.258 |
| ZPS | Công ty con | Thu hộ | 205.263 | 98.115 |
| VNGS | Công ty con | Phí bản quyền phần mềm | 203.112 | 69.877 |
| EPI | Công ty con | Sử dụng dịch vụ quảng cáo | 89.160 | 21.933 |
| VNG Online | Công ty con | Sử dụng dịch vụ quảng cáo | 96.213 | 16.245 |
| VNG Singapore | Công ty con | Thu hộ | 20.799 | 21.697 |
| Zion | Công ty con | Sử dụng dịch vụ hỗ trợ thanh toán | 3.262 | 3.084 |
| Tencent Shenzhen | Bên liên quan của cổ đông lớn | Phí bản quyền phần mềm | - | 24.451 |
| Tencent Shanghai | Bên liên quan của cổ đông lớn | Phí bản quyền phần mềm | 221 | 1.486 |
| Vinanet | Công ty con | Sử dụng dịch vụ | 7 | - |
| Long Đỉnh | Công ty con | Thu hộ | 2.059 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Mixus | Công ty con | Sử dụng dịch vụ | 4.900 | |
| Các công ty khác | Công ty con | Sử dụng dịch vụ | 10 | 1.695 |
| **TỔNG CỘNG** | | | **899.794** | **446.126** |
| ***Chi phí phải trả ngắn hạn*** | | | | |
| Tencent Shenzhen | Bên liên quan của cổ đông lớn | Phí bản quyền phần mềm | 17.529 | 11.342 |
| VNGS | Công ty con | Phí bản quyền phần mềm | 9.753 | 9.197 |
| VinaData | Công ty con | Chi phí cước đường truyền | 3.349 | 450 |
| Zion | Công ty con | Sử dụng dịch vụ hỗ trợ thanh toán | 2.664 | - |
| Tencent Shanghai | Bên liên quan của cổ đông lớn | Phí bản quyền phần mềm | 325 | 785 |
| MPT | Công ty con | Doanh thu phân chia | 29.852 | |
| Long Đỉnh | Công ty con | Doanh thu phân chia | 391 | - |
| **TỔNG CỘNG** | | | **63.864** | **21.774** |
| ***Phải trả ngắn hạn khác*** | | | | |
| **VNIF** | Công ty con | Thu hộ | 30 | - |
| **TỔNG CỘNG** | | | **30** | **-** |
| ***Phải trả dài hạn khác*** | | | | |
| Thanh Sơn | Công ty con | Ký quỹ | 253 | 253 |
| EPI | Công ty con | Ký quỹ | | 113 |
| **TỔNG CỘNG** | | | **253** | **366** |

*Nguồn: VNG*

*Ngày 26 tháng 12 năm 2022*

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**
**CÔNG TY CỔ PHẦN VNG**
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LÊ HỒNG MINH**

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN VNG

*Ngày 26 tháng 12 năm 2022*

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI**

**NGUYỄN QUANG BẢO**

# PHỤ LỤC

**1. Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

**2. Phụ lục II:** Điều lệ công ty

**3. Phụ lục III:** Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2021, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 9 tháng 2022